

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Lệ Quyên

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Lệ Quyên
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Lệ Quyên Mã SV: 1312401079

Lớp: QT1701K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Sử dụng số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Lê Quyên

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2.1 Doanh thu	2
1.1.2.2. Chi phí	5
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.	7
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán:	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	13
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	15
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	15
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	15
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	18
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	18

1.2.4.3.	Phương pháp hạch toán	18
1.2.5.	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	20
1.2.5.1.	Chứng từ sử dụng	20
1.2.5.2.	Tài khoản sử dụng	20
1.2.5.3.	Phương pháp hạch toán	20
1.2.6.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
1.2.6.1.	Chứng từ sử dụng	22
1.2.6.2.	Tài khoản sử dụng	22
1.2.6.3.	Phương pháp hạch toán	22
1.3.	Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	24
1.3.1.	Hình thức kế toán Nhật ký chung	24
1.3.2.	Hình thức kế toán Nhật ký –Sổ cái	25
1.3.3.	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
1.3.4.	Hình thức kế toán trên Máy vi tính	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC		28
2.1.	Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.....	28
2.1.2.	Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.	29
2.1.3.	Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc	31
2.1.3.1	Tổ chức bộ máy kế toán:	31
2.1.3.2.	Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.	33
2.1.3.3.	Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	33
2.1.3.4	.Tổ chức hệ thống sổ kế toán.	33
2.2.	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.	34
2.2.1.	Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty.....	34
2.2.1.1.	Đặc điểm doanh thu bán hàng tại Công ty.....	34
2.2.1.2.	Chứng từ sử dụng:	35
2.2.1.3	Tài khoản sử dụng:	35
2.2.1.4.	Quy trình hạch toán:	35

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.	43
2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.	43
2.2.2.2. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc.	44
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.	51
2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh.	51
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng:	51
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng:	51
2.2.3.4. Quy trình hạch toán:	51
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	57
2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	57
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng:	57
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng:	57
2.2.4.4. Quy trình hạch toán:	57
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	62
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	62
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	62
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng	62
2.2.6.3. Quy trình hạch toán:.....	62
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC.....	72
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.	72
3.1.1 Ưu điểm.....	72
3.1.2 Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.	73
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc	73
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động của công ty.	73
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	74
3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty.....	74

3.2.3.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:.....	83
3.2.4.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.	86
3.2.4.4. Một số kiến nghị khác:.....	89
KẾT LUẬN	90
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 – Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	10
Sơ đồ 1.2 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	13
Sơ đồ 1.3–Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp	14
kiểm kê định kỳ	14
Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	17
Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	19
Sơ đồ 1.6 – sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác	21
Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	23
Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	24
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	25
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	27
Sơ đồ 2.1 – Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	29
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Dự Phúc	31
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinhdoanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHHThương mại và Sản xuất Dự Phúc.....	34
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinhdoanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHHThương mại và Sản xuất Dự Phúc.....	36
Sơ đồ 2.5 –Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc	44
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc	52

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc	57
Sơ đồ 2.8: Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.	63
Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh 2016 của công ty.....	64

DANH MỤC BIỂU BIỂU

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0000982.....	38
Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT số HD0001002.....	39
Biểu số 2.3. Phiếu thu số 33/12.....	40
Biểu số 2.4. Trích sổ Nhật ký chung.....	41
Biểu số 2.5. Trích sổ cái tài khoản 511	42
Biểu số 2.6. Phiếu xuất kho số 04/12.....	47
Biểu số 2.7. Phiếu xuất kho số 12/12.....	48
Biểu số 2.8. Trích sổ Nhật ký chung.....	49
Biểu số 2.9. Trích sổ cái tài khoản 632.....	50
Biểu số 2.10. Hóa đơn GTGT số HD0000266.....	53
Biểu số 2.11. Phiếu chi số 21/12.....	54
Biểu số 2.12. Sổ Nhật ký chung.....	55
Biểu số 2.13. Sổ cái TK641	56
Biểu 2.14. Giấy báo có của ngân hàng Vietinbank.....	59
Biểu số 2.15. Sổ Nhật ký chung.....	60
Biểu số 2.16. Sổ cái TK515	61
Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 29	65
Biểu số.2.18: Phiếu kế toán số 30	66
Biểu số 2.20. Trích sổ nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.21. Sổ cái TK 911	69
Biểu số 2.22. Sổ cái TK 421	70
Biểu số 2.23. Biểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	71
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	76
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	77
Biểu số 3.3: Biểu tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng.....	78
Biểu số 3.4: Sổ chi tiết các tài khoản	79
Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng.....	81
Biểu số 3.6 –Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	82
Biểu số 3.7: Biểu kê công nợ:	88
Biểu số 3.8: Biểu kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	88

LỜI MỞ ĐẦU

Chúng ta đều nhận thấy rằng nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển và đã có những bước tiến vượt bậc trong vài năm trở lại đây. Trong lĩnh vực kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam ngoài những cơ hội mới còn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong nước, công ty liên doanh và công ty nước ngoài. Tình thế đó đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải có những định hướng kinh doanh linh hoạt để tồn tại và phát triển. Cùng với đó là quá trình hoạt động không ngừng của bộ máy kế toán bên trong các doanh nghiệp, kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Vì vậy đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh và đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra được các quyết định đúng đắn

Nhận thức được tầm quan trọng đó và dựa trên cơ sở kiến thức tích lũy được trong thời gian học tập ở trường cùng với sự giúp đỡ của giáo viên Nguyễn Thị Mai Linh và các kinh nghiệm học hỏi được trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc, được sự giúp đỡ tạo điều kiện của phòng kế toán. Em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc”** làm đề tài khóa luận của mình.

Kết cấu của khóa luận gồm 03 chương:

Chương 1 : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

Nguyễn Thị Lê Quyên

CHƯƠNG 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh. Đồng thời với cơ chế thị trường, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một điều tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì vậy tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng của công tác hạch toán kế toán. Nó góp phần phản ánh, cung cấp chính xác và kịp thời những thông tin cho các lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn.

1.1.2 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.2.1 Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/ QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán(công vận chuyên, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền sở hữu hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.

+ Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Biểu cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.

+ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

– Doanh thu thuần: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp): thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

• Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm. Trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa , dịch vụ....

- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

• Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

• Thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ

- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.

- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí:

✚ **Giá vốn hàng bán:** : Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✚ Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, gồm các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

✚ Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lô chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

✚ Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế. truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí thuế.

✚ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập tự hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi} \\ \text{nhuận} & = & \text{từ hoạt động} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{nhuận} \\ \text{kế toán} & & \text{SXKD} & & \text{chính} & & \text{khác} \\ \text{trước thuế} & & & & & & \end{array}$$

+Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{toán trước thuế} & & \text{thuế TNDN} \end{array}$$

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế thu} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & - & \text{Thuế TNDN} \\ \text{nhập doanh nghiệp} & & \text{toán trước thuế} & & \text{phải nộp} \end{array}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để phát huy được vai trò của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp vừa và nhỏ thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vụ trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch....

Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

- **Kết cấu tài khoản 511**

- **Bên Nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Bên Có**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

❖ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

• **Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

+ Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

+ Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

+ Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

- **Kết cấu tài khoản 521**

➤ **Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

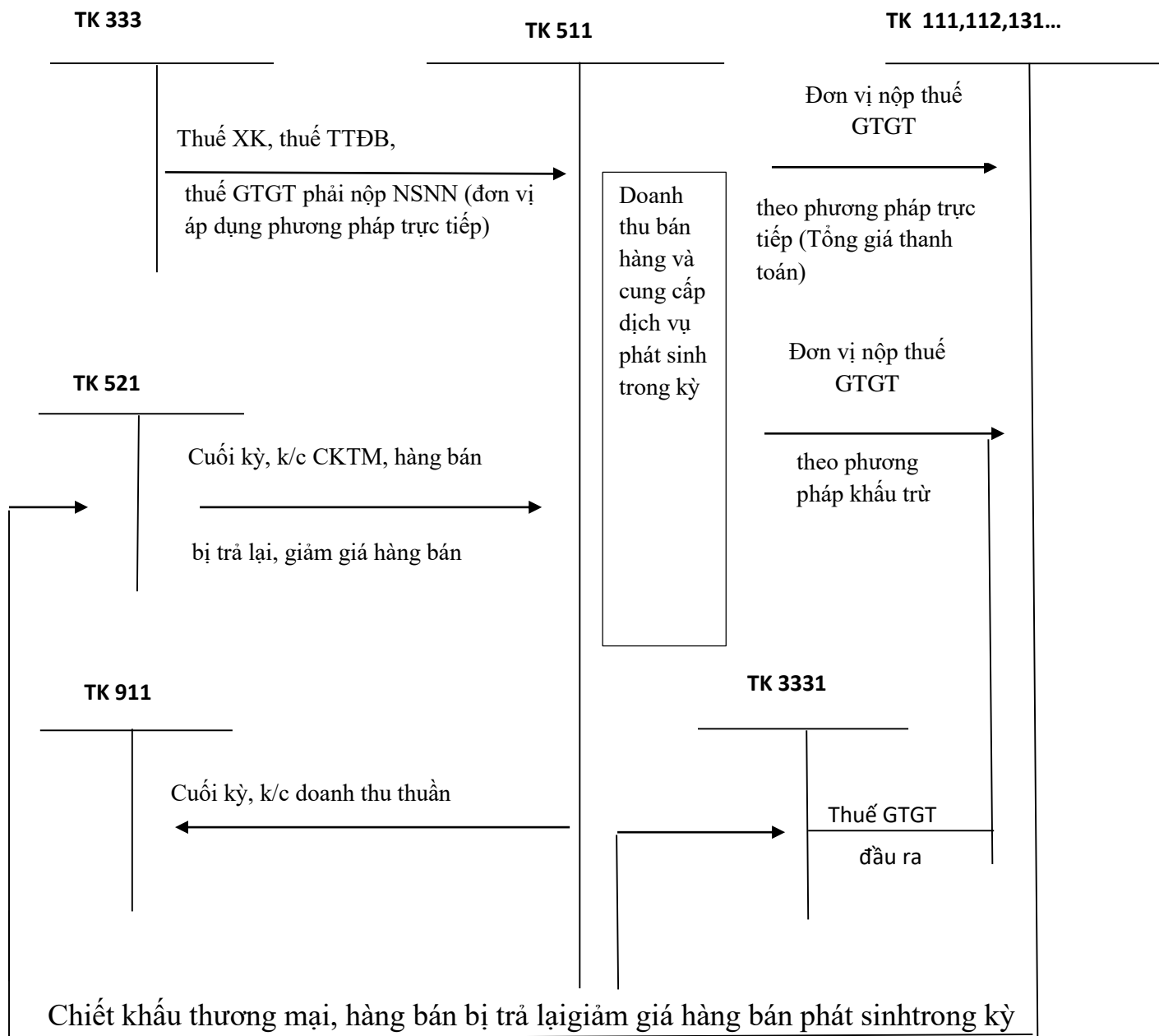
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

➤ **Bên Có**

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1 – Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

- **Kết cấu tài khoản 632**

- **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

➤ **Bên Nợ**

- Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- ❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

- **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

- **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

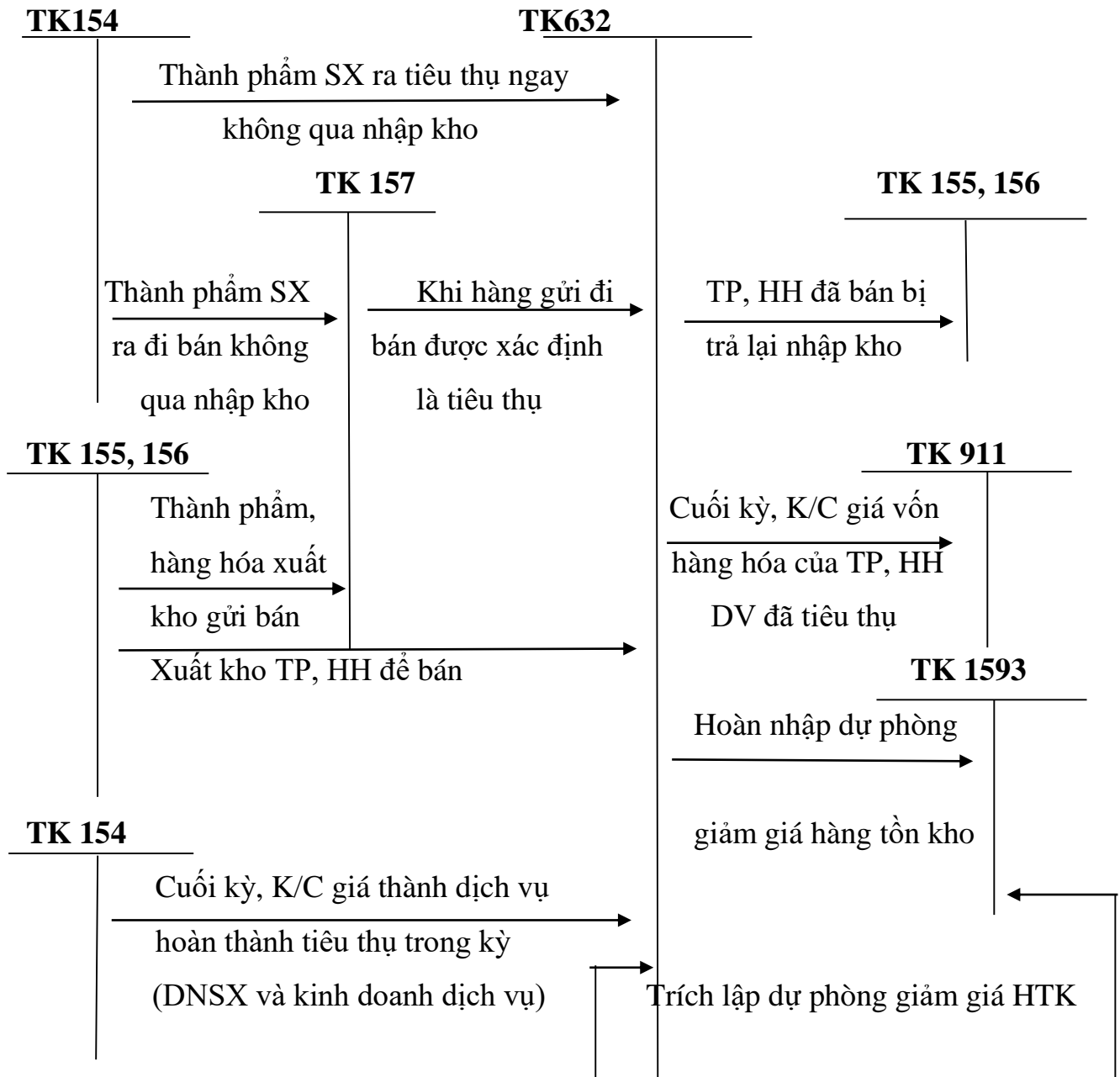
- **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 “Thành phẩm”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

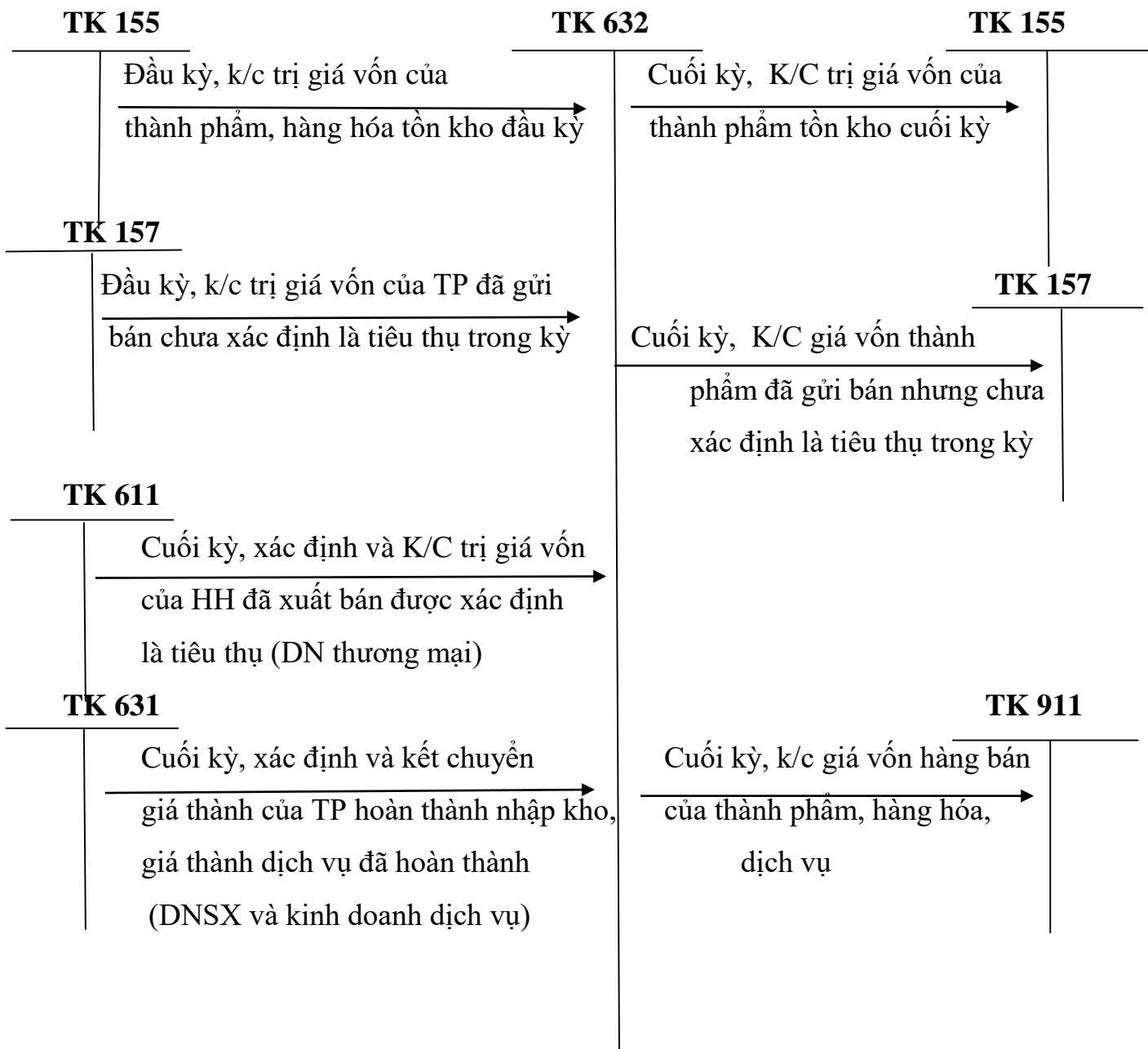
- ❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3–Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ. Giấy báo Có (giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Kết cấu tài khoản 515**

➤ **Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ **Bên Có**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

❖ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

- **Kết cấu tài khoản 635**

➤ **Bên Nợ**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

➤ **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

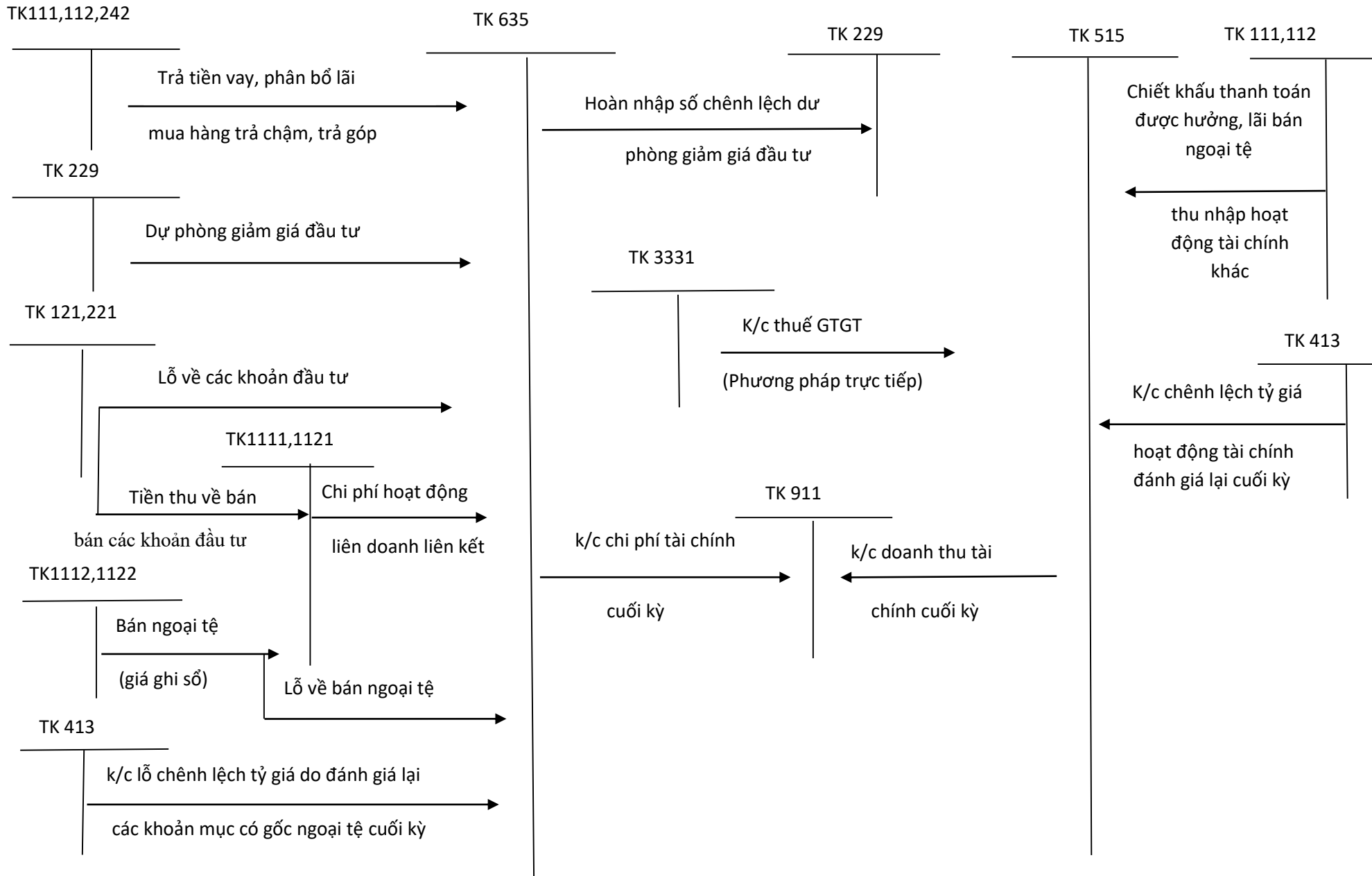
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.4** như sau:

Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, Giấy báo Nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý...

- **Kết cấu tài khoản 642**

- **Bên Nợ**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

- **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- ❖ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

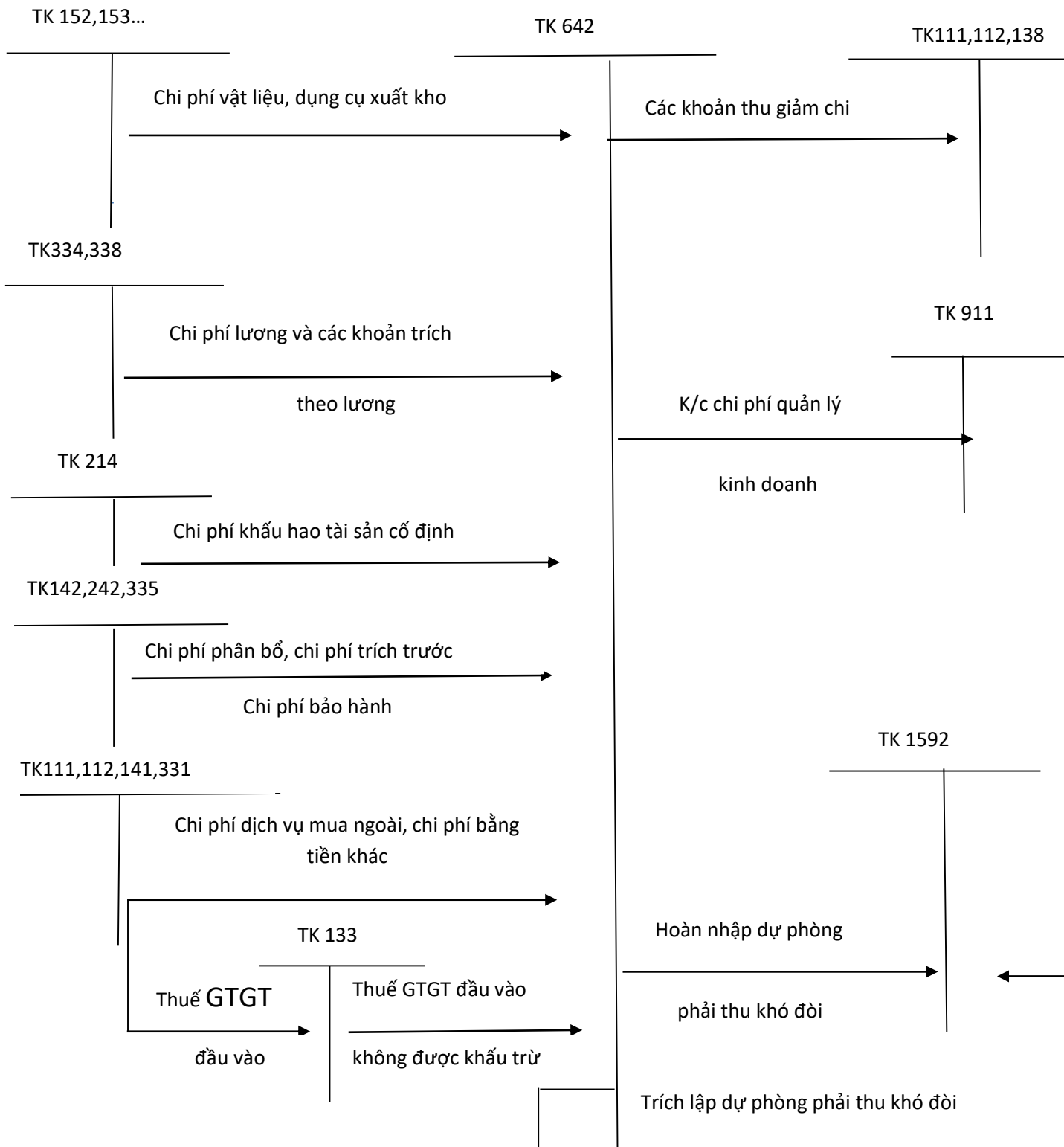
- ❖ Tài khoản 642 có 2 TK cấp 2: TK 6421 – Chi phí bán hàng và TK 6422

– Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các loại thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Kết cấu tài khoản 711**

- **Bên Nợ**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- **Bên Có**

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

- **Kết cấu tài khoản 811**

- **Bên Nợ**

- Các khoản chi phí khác phát sinh

- **Bên Có**

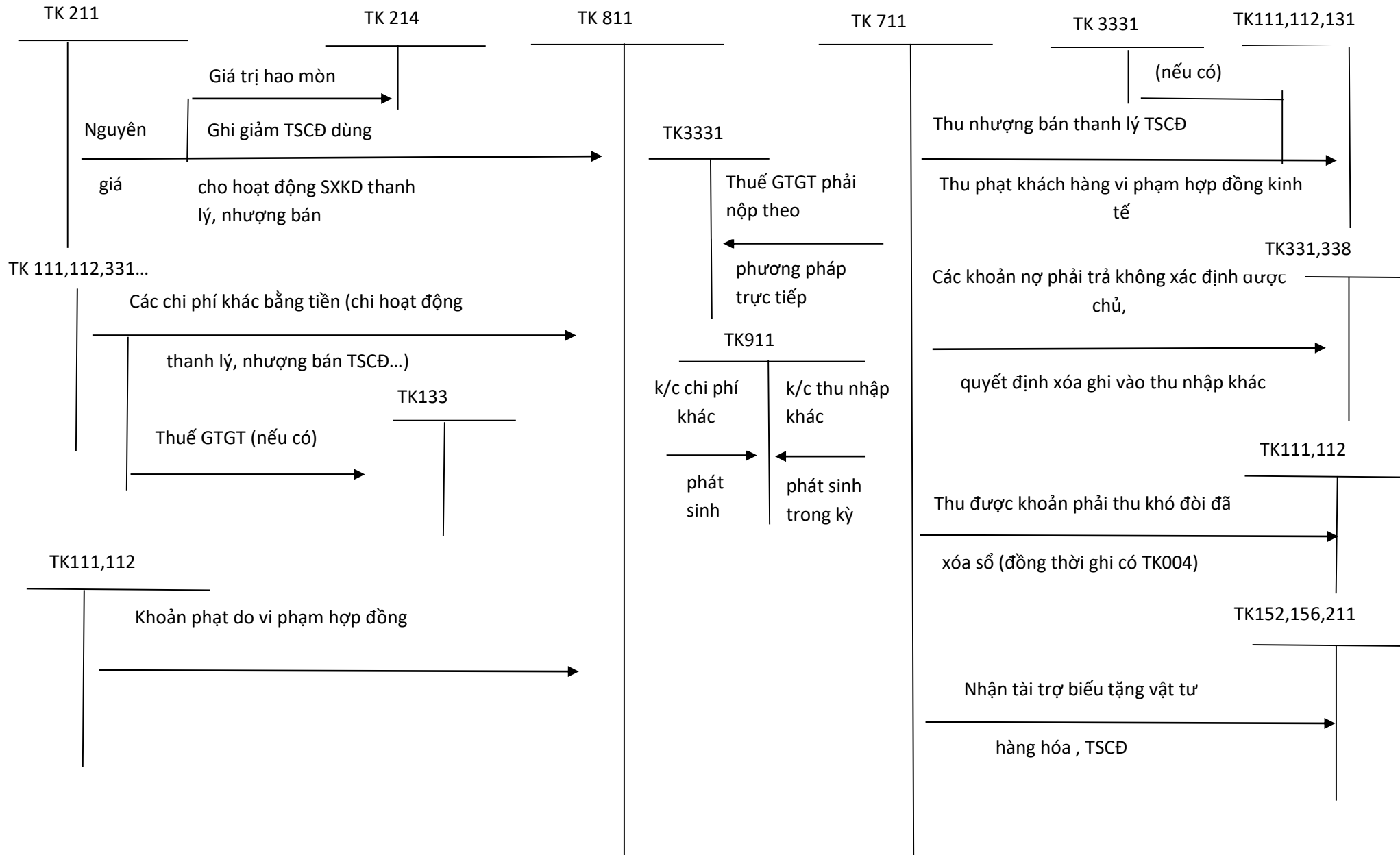
- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua **sơ đồ 1.6** như sau:

Sơ đồ 1.6 – sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

- **Kết cấu tài khoản 911**

- **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

- **Bên Có**

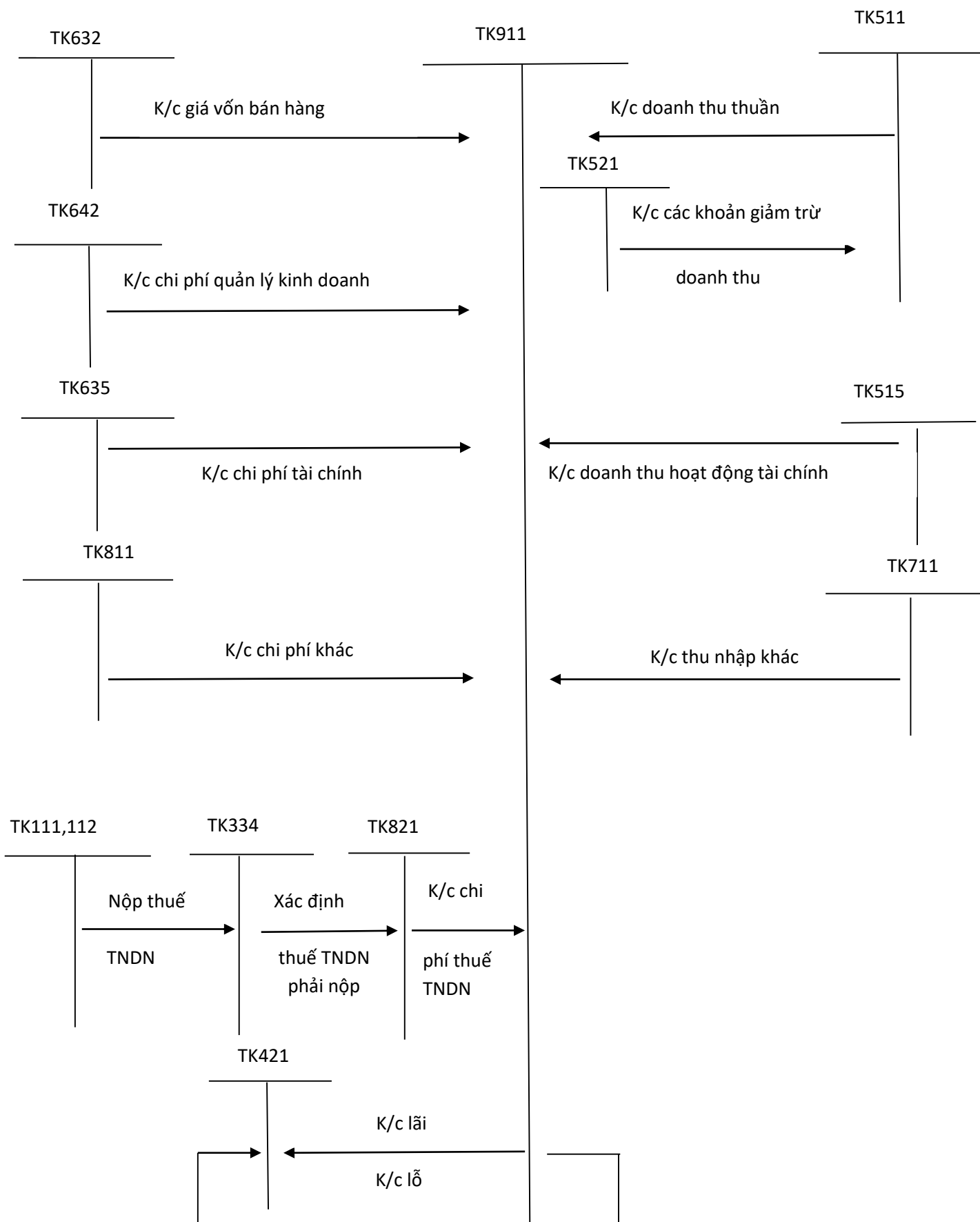
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

- ❖ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

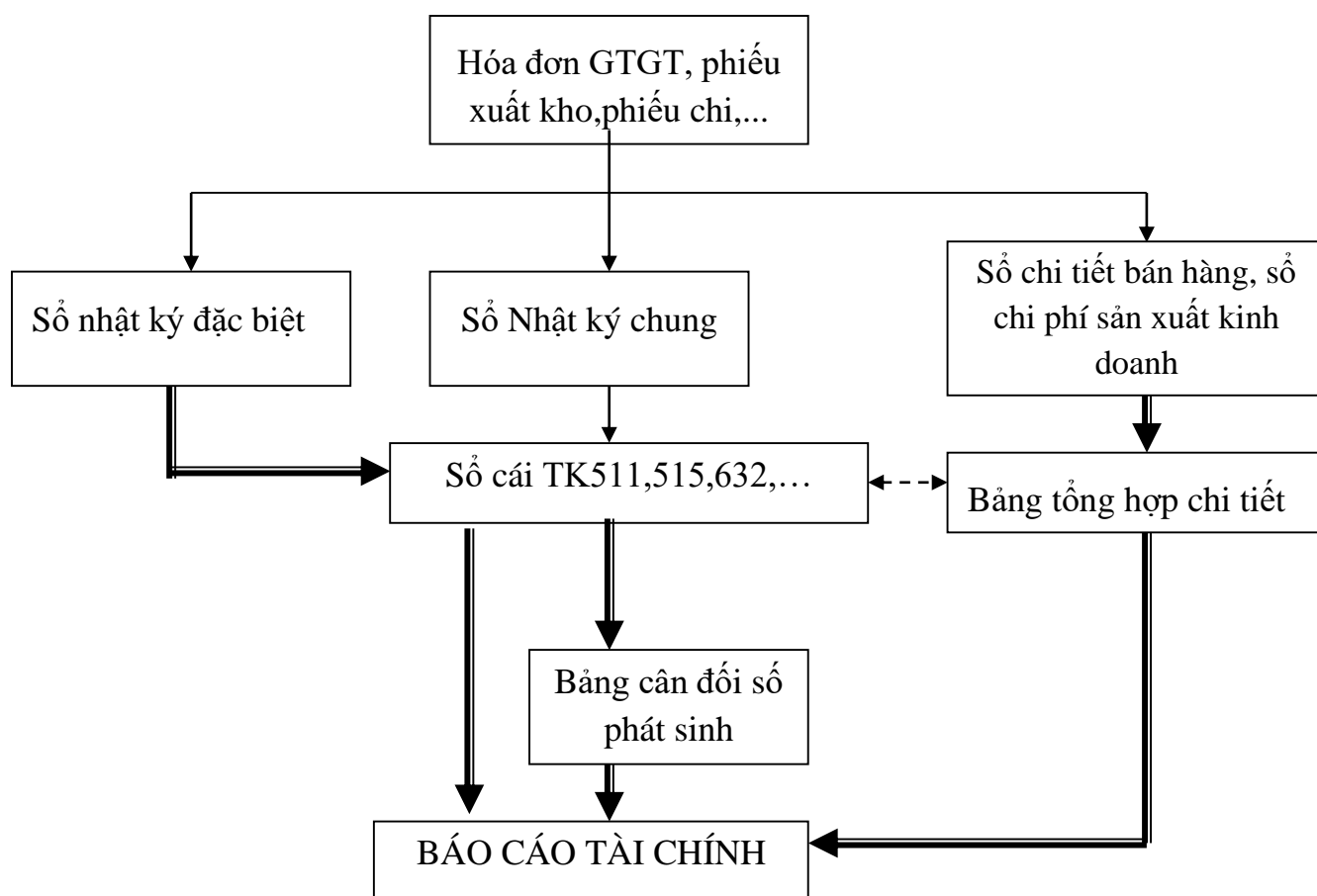


1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ chi tiết kế toán liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Biểu cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và Biểu tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

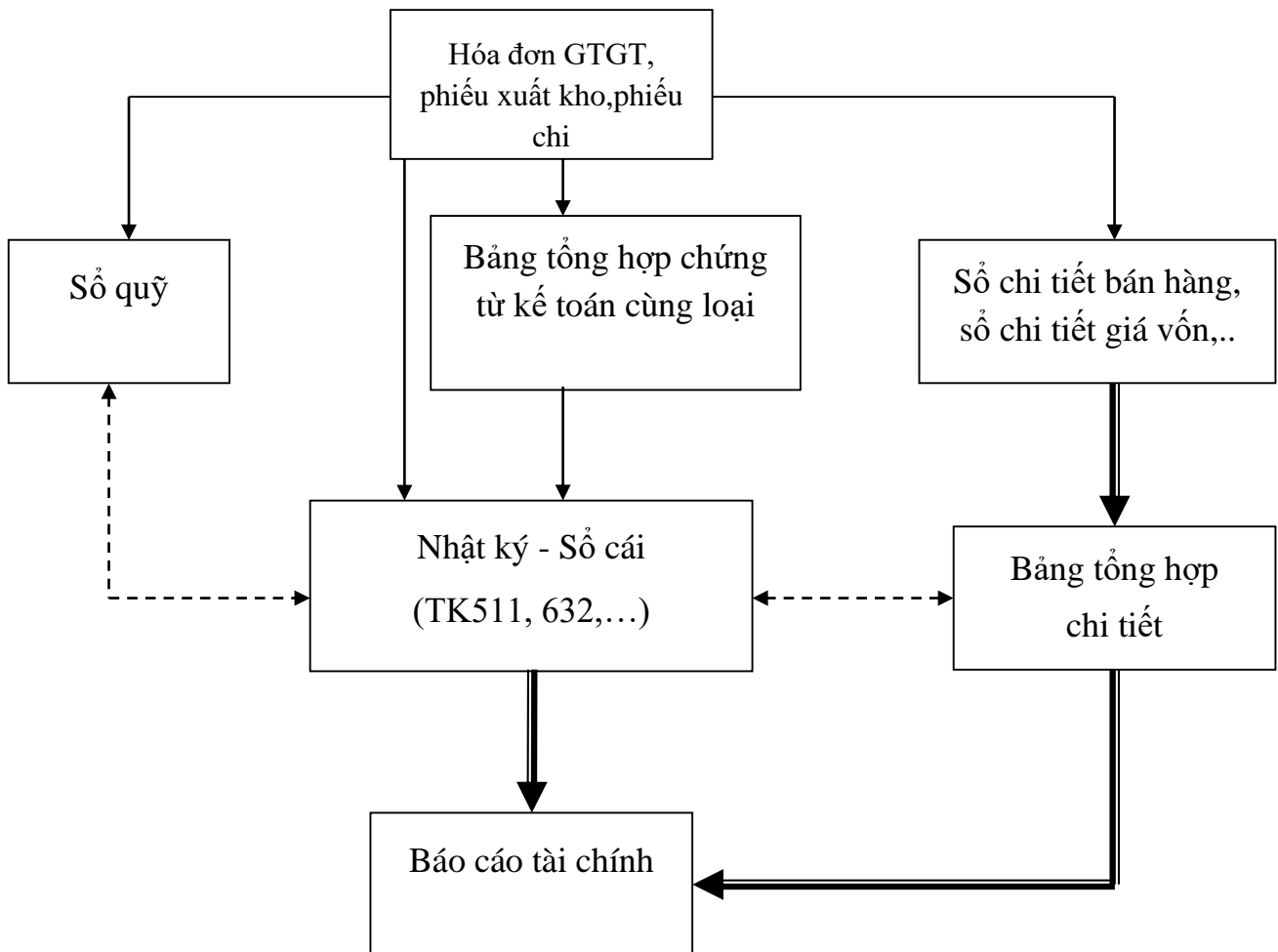
Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký –Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký –Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký –Sổ cái là các chứng từ kế toán, Biểu tổng hợp kế toán cùng loại.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Biểu tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký –Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát dinh cuối tháng.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

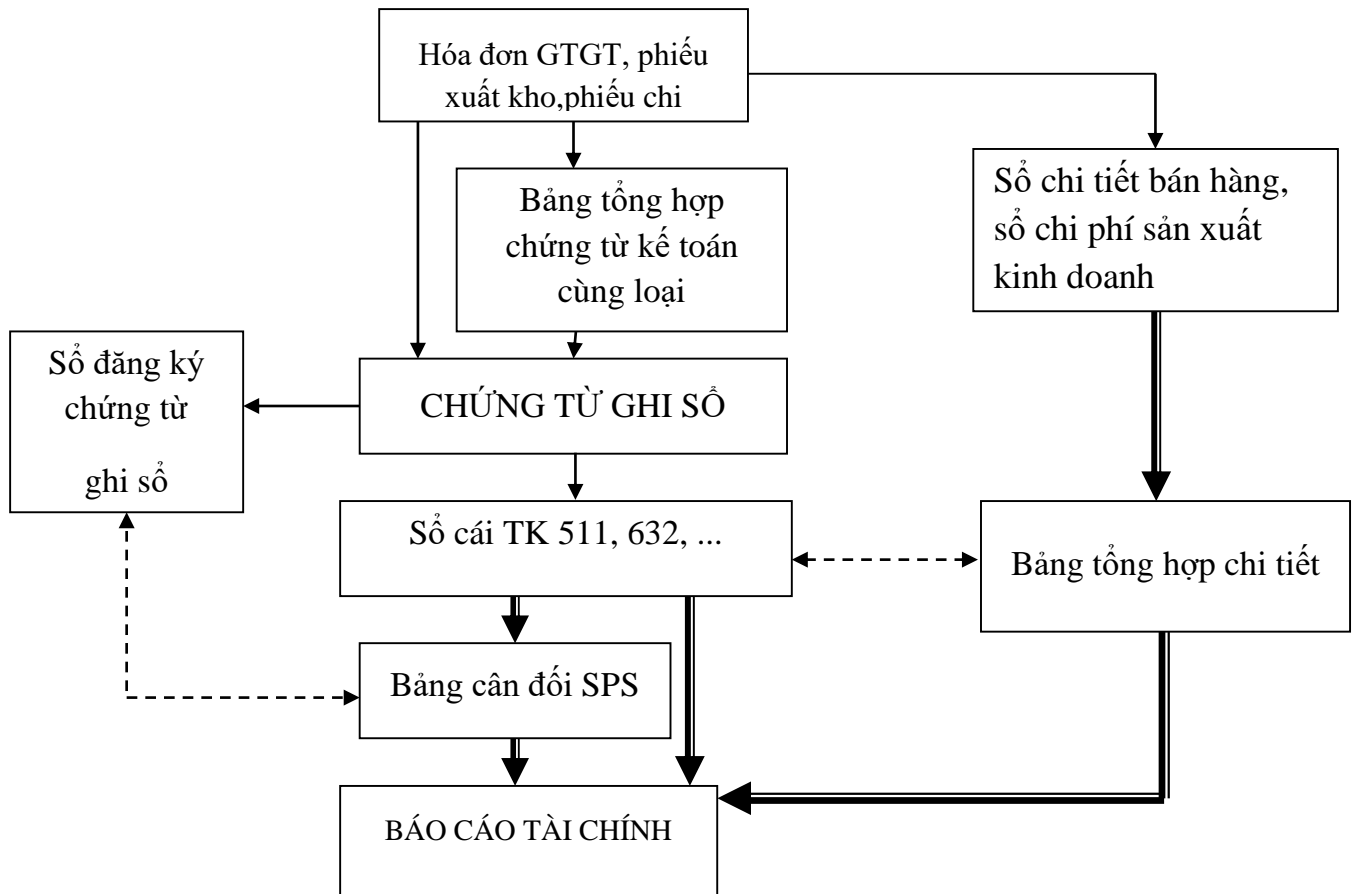
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.3.3.Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

- + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Biểu chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- + Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Biểu tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi cáo sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ cái lập Biểu cân đối số phát sinh.



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

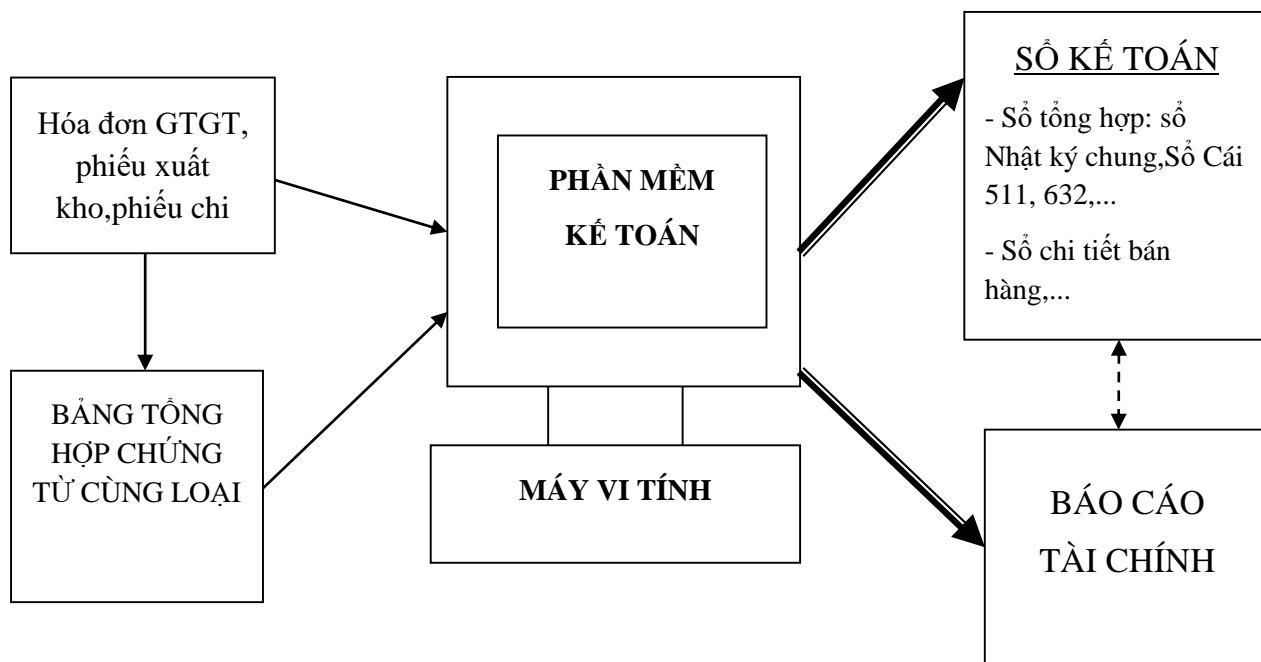
- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kế hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký –Sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Biểu tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các Biểu, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán trên máy vi tính



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC**
- Tên tiếng Anh: **DU PHUC Co.,LTD trade and manufacing**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC**
- Tel: (031)3588767
- Mã số thuế: 0201264669
- Địa chỉ trụ sở chính: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VND (*Một tỷ đồng Việt Nam*)
- Ngành nghề kinh doanh:
- + Phân phối khí đốt, nước khoáng không ga, bếp ga và các linh kiện máy lọc nước
- + Đại lí, mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Đăng ký kinh doanh số: 0201264669 ngày 29 tháng 5 năm 2012 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập dưới sự kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lí Nhà nước thành phố Hải Phòng.

Công ty được thành lập theo nguyên tắc dân chủ công khai, thống nhất nhằm mục đích phát triển kinh doanh giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động đảm bảo nộp đầy đủ nghĩa vụ cho Ngân sách nhà nước, tạo quỹ cho công ty nhằm mở rộng và phát triển kinh doanh.

- Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc
- + Doanh thu và chi phí tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự phúc được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

+ Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 3 hoạt động để xác định thuế TNDNN và lợi nhuận trong kỳ kế toán của công ty.

+ Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo năm dương lịch.

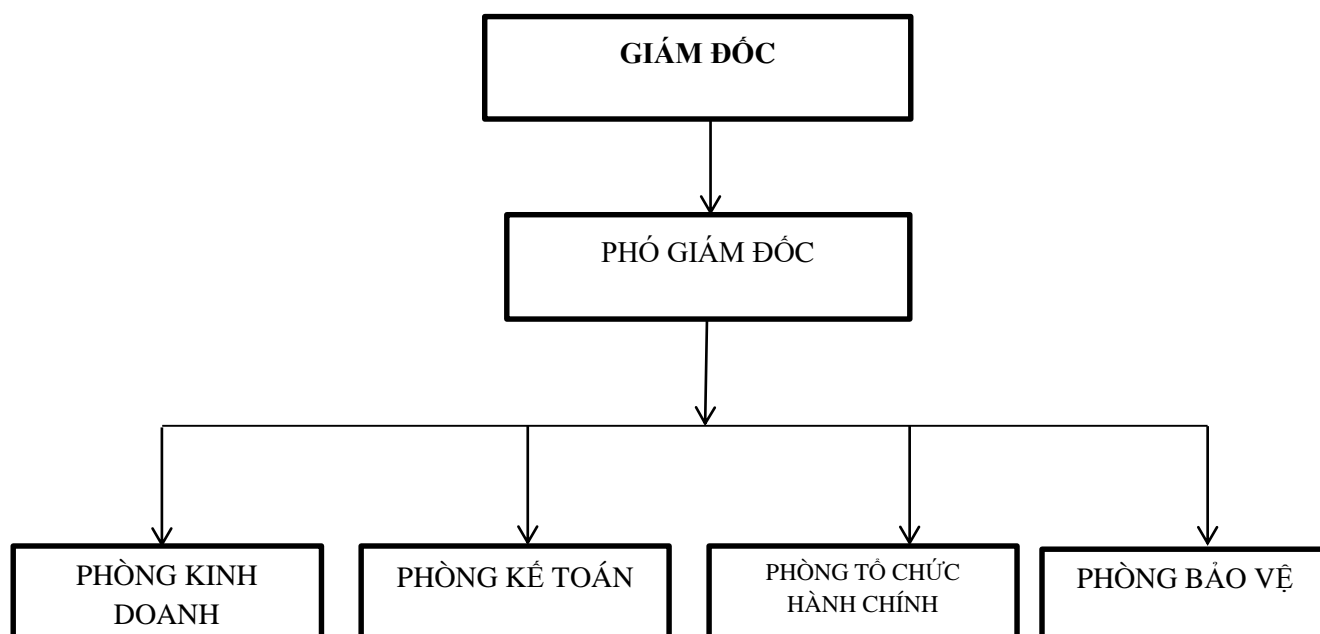
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.

Đây là một trong những nguồn lực quan trọng, quyết định hoạt động của công ty. Do đó cần phải sắp xếp nhân lực và tổ chức bộ máy quản lý hợp lý với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp để thấy rõ được năng suất lao động chung và của từng người ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh.

Bộ máy quản lý tại công ty tổ chức theo mô hình trực tuyến tham mưu, với cơ cấu này các phòng ban có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc.

Theo mô hình này thì Giám đốc là người đứng đầu, giúp việc cho giám đốc gồm phó giám đốc, kế toán trưởng và kế toán phòng ban.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc được khái quát ở sơ đồ 2.1:



Sơ đồ 2.1 – Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

(Nguồn: Bộ phận hành chính tổng hợp của công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

Cơ cấu tổ chức của công ty là sự kết hợp giữa cơ cấu chức năng và cơ cấu trực tuyến nên đã phát huy được ưu nhược điểm từng cơ cấu

Sự phân công nhiệm vụ rõ ràng từng bộ phận phòng ban chuyên trách đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định nhu cầu, dự tính kinh phí, xác định kết quả hoạt động cho từng bộ phận.

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

❖ *Giám đốc:*

- Là người đứng đầu công ty có quyền quyết định mọi hoạt động của công ty và cũng là đại diện pháp luật của công ty

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với công ty về các vấn đề như: trực tiếp đề ra các chiến lược, kế hoạch giám sát kiểm tra các phòng ban

- Ký kết các hợp đồng tài chính thương mại.

- Quyết định tuyển dụng, đào tạo, sa thải cán bộ nhân viên

- Quyết định mức lương thưởng, thù lao đối với người lao động trong công ty

❖ *Phó Giám đốc:* là người chịu trách nhiệm cùng giám đốc quản lý công ty và là người chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, nắm bắt các nguồn hàng, rồi từ đó tham mưu cho giám đốc xây dựng các phương án kinh doanh, và thay giám đốc tham gia ký kết các hợp đồng mua bán để đảm bảo cho việc kinh doanh của công ty đạt hiệu quả ngày càng cao.

❖ *Phòng kinh doanh:*

- Nghiên cứu thị trường

- Ký kết các hợp đồng kinh tế bán hàng

- Ký kết các hợp đồng đại lý bán hàng

- Quảng cáo các sản phẩm mới và hàng hóa của công ty

- Khảo sát hành vi ứng xử của khách hàng tiềm năng

- Xây dựng kế hoạch quảng cáo, bán hàng, các chiến lược về chính sách thanh toán, hình thức thanh toán

❖ *Phòng kế toán:*

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản, phát hiện những bất cập trong luân chuyển chứng từ tại công ty và ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật về tài chính - kế toán.

- Giám sát, kiểm tra quá trình lập hóa đơn, chứng từ thanh toán và lưu trữ hóa đơn, chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng pháp luật kế toán và các chế độ chính sách của Nhà nước.

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu và đề xuất những giải pháp phục vụ cho yêu cầu quản trị nội bộ.

Cung cấp thông tin kế toán theo quy định của pháp luật

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán tham mưu để đề xuất giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của công ty.

❖ *Phòng hành chính:*

- Có nhiệm vụ quản lý đôn đốc các phòng ban thực hiện các thủ tục hành chính như thủ tục vay vốn ngân hàng, ký các hợp đồng các loại.

- Quản lý, phân công, sắp xếp cán bộ, công nhân theo yêu cầu của các bộ phận liên quan cũng như bố trí các nhân viên vào các vị trí phù hợp với trình độ.

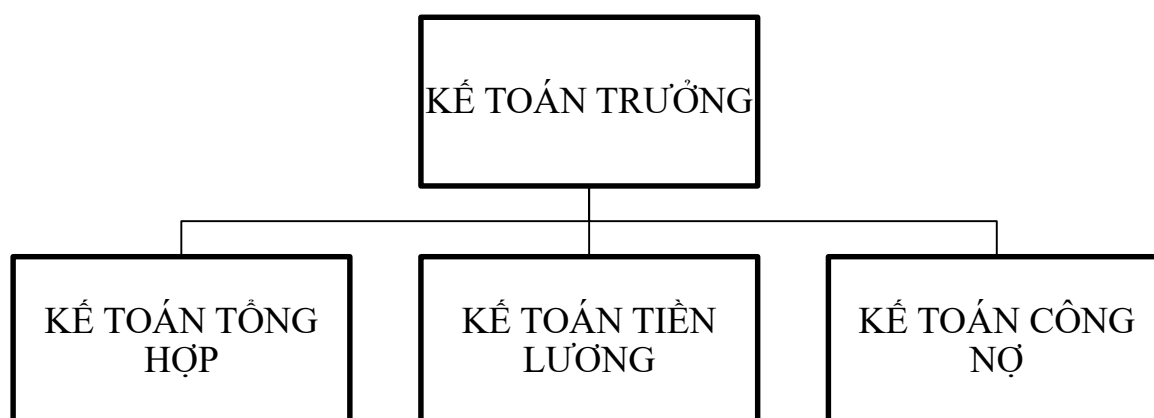
- Xây dựng các chính sách, thực hiện tuyển dụng lao động cho phù hợp với yêu cầu của công ty.

❖ *Phòng bảo vệ:*

- Nhiệm vụ bảo vệ mọi tài sản thuộc phạm vi quản lý của công ty. Kiểm tra hàng hóa vật tư xuất ra, mua vào có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định hay không.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Dự Phúc

(Nguồn: Bộ phận hành chính tổng hợp của công ty TNHH TM & SX Dự Phúc)

* *Nhiệm vụ chức năng của các thành viên:*

❖ *Kế toán trưởng:*

- Là người đứng đầu phòng kế toán tài chính của công ty chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác tài chính của công ty. Trực tiếp phụ trách công tác chỉ đạo, điều hành tài chính, tổ chức hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ, quy định của Nhà nước, của ngành về công tác kế toán. Tham gia kí kết và kiểm tra các hợp đồng kinh tế. Tổ chức thông tin kinh tế và phân tích hoạt động kinh tế của công ty.

- Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, là người lập báo cáo tài chính

Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc công ty về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ

❖ *Kế toán tổng hợp:*

- Tổng hợp quyết toán, tổng hợp nhật kí chung, sổ cái. Biểu tổng kết tài sản của công ty, Đồng thời kế toán tổng hợp chi tiết về giá trị tài sản cố định.

- Hạch toán các khoản chi phí, các khoản trích trước, các khoản phân bổ các nghiệp vụ khác

- Trả lương cho người lao động, giám sát tình hình sử dụng quỹ lương, cung cấp tài liệu cho các phòng quản lý, chức năng, lập kế hoạch quỹ lương kỳ sau

- Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.

- Lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị theo mẫu

- Thống kê và tổng hợp số liệu kế toán khi có yêu cầu

Cung cấp số liệu cho giám đốc hoặc các đơn vị chức năng khi có yêu cầu

❖ *Kế toán tiền lương:*

- Phụ trách công việc tính lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty, trích các khoản theo quy định đối với từng cán bộ công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản.

❖ *Kế toán công nợ:*

- Viết phiếu thu – chi hàng ngày và cuối ngày đối chiếu với thủ quỹ, kiểm kê quỹ và chuyên giao chứng từ cho kế toán trưởng. Thanh toán, theo dõi công nợ, đơn đốc thu hồi nợ, tham gia lập báo cáo quyết toán và các báo cáo kế toán định kỳ.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.

- Hình thức kế toán: hình thức nhật ký chung
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá vật tư HH xuất kho: bình quân liên hoàn
- Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng

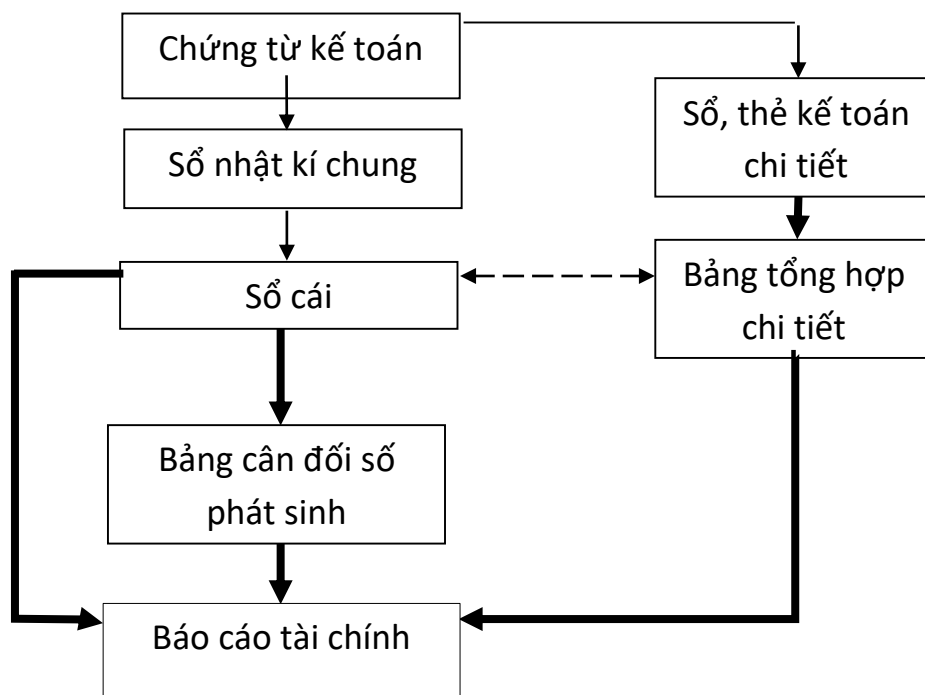
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái các tài khoản, từ Sổ Cái các tài khoản và Biểu tổng hợp chi tiết lập Báo Cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Biểu tổng hợp chi tiết.



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Kiểm tra, đối chiếu ←--→

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc
(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc)

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại Công ty.

- Hiện nay, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dữ phúc là phân phối nước uống không cồn, nước khoáng và bếp ga cùng linh kiện máy lọc nước. Vì vậy doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu bán các loại hàng hóa trên.
- Chỉ trong bốn năm hoạt động, với số vốn điều lệ là không nhiều, công ty đã xây dựng lên một nhà máy chuyên sản xuất và phân phối gas và các thiết bị đồ dùng gia đình. Với nhiều trang bị máy móc tân tiến. Công nhân có tay nghề

và sản xuất ra nhiều mặt hàng có chất lượng, tạo uy tín với thị trường trong nước.

➤ Phương thức bán hàng :

Hiện nay công ty tiến hành bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp mà chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Theo phương thức bán hàng này, công tác bán hàng ở công ty được thực hiện dưới các hình thức sau:

- Bán buôn: là hình thức bán chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này công ty xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.
- Bán lẻ: Khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng. Kế toán lập hóa đơn GTGT, phiếu thu và đồng thời ghi nhận doanh thu. Hàng hóa bán lẻ chủ yếu phục vụ trực tiếp người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

➤ Các phương thức thanh toán.

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.
- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.
- Thanh toán qua ngân hàng: Phương thức này được chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng:

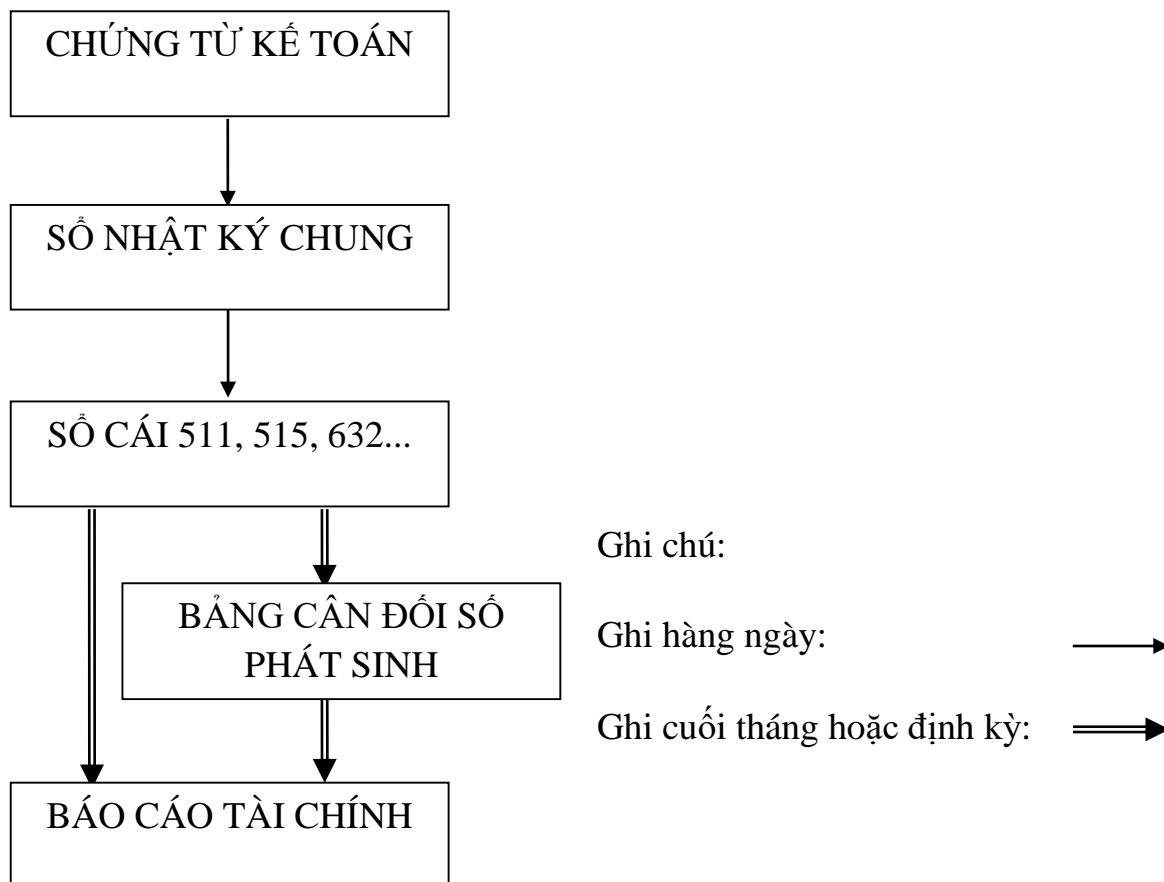
- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán:

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc được khái quát qua sơ đồ 2.4.

Khi nhận được đơn hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán thông báo cho nhân viên bán hàng chuẩn bị và đóng hàng cho khách. Kế toán kiểm tra

lại hàng xem số lượng, chủng loại hàng hóa xem có đúng với yêu cầu hay không. Từ đó kê toán lập hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng hóa.



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

✓ **Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 4/12/2016, bán lẻ 5 bếp ga paloma PA-V72SVB cho công ty TNHH Tuấn Tú với đơn giá 1.800.000/ cái,(chưa VAT 10%,) theo HĐ số 0000982 ,chưa thanh toán

✚ Định khoản:

Nợ TK 131:9.900.000

Có TK 511:9.000.000

Có TK 3331:900.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000982 (Biểu số 2.1), Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4). Từ sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu 2.5)

✓ Ví dụ minh họa 2:

Ngày 10/12/2016, bán 2 máy lọc nước Kangaroo KG 110 cho công ty Cổ Phần Thương Mại và Vận Tải An Phú Đông với đơn giá 5.799.000 (chưa VAT) theo số HĐGTGT số 0001002 ngày 10/12/2016, đã thanh toán bằng tiền mặt.

✚ Định khoản:

Nợ TK 111 : 12.757.800

Có TK 511 : 11.598.000

Có TK 3331: 1.159.800

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001002 (Biểu số 2.2). Kế toán lập phiếu thu số 33/12 (Biểu số 2.3). Từ HĐ 0001002 và phiếu thu 33/12 kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu 2.4). Từ sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu 2.5)

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0000982

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
(Liên 3: Nội bộ)			Ký hiệu: AA/16P																
Ngày 04 tháng 12 năm 2016			Số: 0000982																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC																			
Mã số thuế: 0201264669																			
Địa chỉ: Đội 1, thôn An Phú, xã Đại Bản, huyện An Dương, Hải Phòng																			
Điện thoại: 0313.3588767																			
Số tài khoản: 117000110493 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng.																			
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đình Chiến																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Tuấn Tú																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">6</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;">3</td> <td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	7	2	7	5	3				
0	2	0	0	6	7	2	7	5	3										
Địa chỉ: 921 Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản: 203643209 tại Ngân hàng TMCP Á Châu.																
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Bếp ga Paloma PA-V72SVB	cái	5	1.800.000	9.000.000														
Cộng tiền hàng:					9.000.000														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		900.000														
Tổng cộng thanh toán:					9.900.000														
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm nghìn đồng chẵn																			
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị															
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																			

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT số HD0001002

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 10 tháng 12 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0001002																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC Mã số thuế: 0201264669 Địa chỉ: Đội 1, thôn An Phú, xã Đại Bản, huyện An Dương, Hải Phòng Điện thoại: 0313.3588767 Số tài khoản: 117000110493 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng.																			
Họ tên người mua hàng: Trịnh Văn Vĩnh Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI AN PHÚ ĐÔNG Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	4	3	8	9	4	7				
0	2	0	0	4	3	8	9	4	7										
Địa chỉ: Thôn An Phú- xã Đại Bản- huyện An Dương – tp Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: 970405146000 tại Ngân hàng Agribank.																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Máy lọc nước Kangaroo KG 110	cái	2	5.799.000	11.598.000														
Cộng tiền hàng:					11.598.000														
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 1.159.800														
Tổng cộng thanh toán:					12.757.800														
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm năm bảy nghìn tám trăm đồng																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.3. Phiếu thu số 33/12

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự
Phúc

Địa chỉ: Đội 1, thôn An Phú, xã Đại Bản, huyện
An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Số: 33/12

Nợ TK111: 12.757.800

Có TK511: 11.598.000

CóTK3331:1.159.800

Họ và tên người nộp tiền: Trịnh Văn Vĩnh

Địa chỉ: CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN-XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI AN PHÚ
ĐÔNG

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng của HĐ GTGT 0001002

Số tiền: 12.757.800

Bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm năm bảy nghìn tám trăm đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu bảy trăm năm bảy nghìn tám
trăm đồng

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.4. Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
4/10	PX04/12	4/12	Xuất kho bếp ga paloma PA – V72SVB	632	7.571.425	
				156		7.571.425
04/12	HD982	04/12	Bán bếp ga paloma PA-V72SVB cho công ty TNHH Tuấn Tú	131	9.900.000	
				511		9.000.000
				3331		900.000

6/12	HD632	6/12	Mua hàng của công ty Cổ Phần Lưu Ân chưa trả tiền	156	86.000.000	
				1331	8.600.000	
				331		94.600.000
...
10/12	PX12/12	10/12	Xuất bán máy lọc nước kangaroo KG 110	632	10.653.668	
				156		10.653.668
10/12	HD1002 PT33/12	10/12	Bán máy lọc nước Kangaroo KG 110 cho công ty An Phú Đông	111	12.575.800	
				511		11.598.000
				3331		1.159.800
...
			Cộng phát sinh năm		15.651.762.232	15.651.762.232

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.5. Trích sổ cái tài khoản 511

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2016****Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu: 511****Đơn vị tính: Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
					
04/12	HĐ982	04/12	Bán bếp ga paloma PA-V72SVB cho công ty Tuấn Tú	131		9.000.000
...
10/12	HĐ1002	10/12	Bán máy lọc nước kangaroo KG 110 cho công ty An Phú Đông	111		11.598.000
...
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu 2016	911	3.623.742.632	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		3.623.742.632	3.623.742.632

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng giá trị vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của cửa hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng giá trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch.

Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho luôn được thay đổi dựa trên sự thay đổi của đơn giá nhập kho của hàng tồn kho. Tức là sau mỗi lần mua hàng tồn kho về doanh nghiệp kế toán phải thực hiện tính lại đơn giá hàng nhập kho dựa trên giá trị và số lượng hàng tồn kho đang có tại doanh nghiệp

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

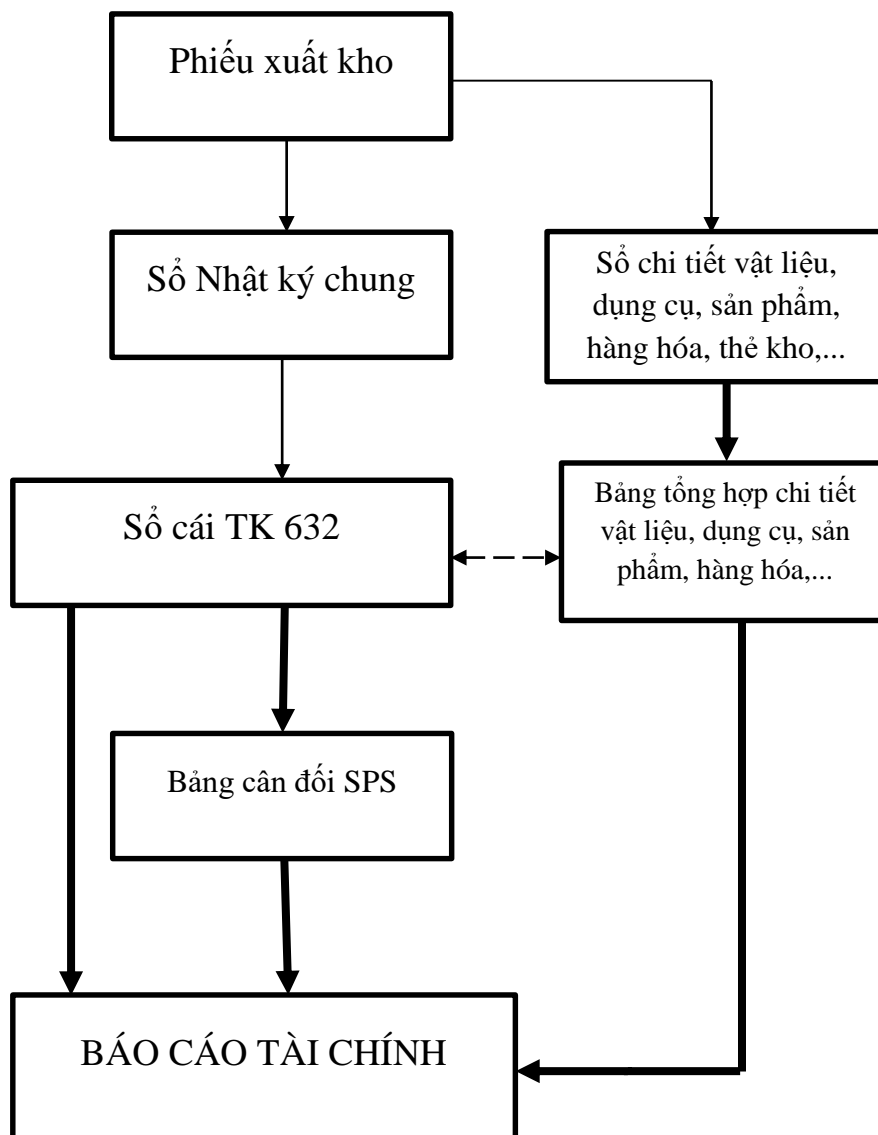
$$\text{Đơn giá xuất kho của HTK} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ kế toán sử dụng:
 - + Phiếu kế xuất kho
 - + Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
 - + Tài khoản 156: Hàng hóa

2.2.2.2. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Dự Phúc.

Quy trình kế toán giá vốn của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.5



Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH

Thương mại và Sản xuất Dự Phúc

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632.

Cuối quý, năm kế toán tập hợp các số liệu từ Sổ Cái để lập Biểu cân đối số phát sinh. Từ đó lập Báo cáo tài chính.

✓ **Ví dụ minh họa 3:(tiếp ví dụ 1)**

Ngày 4/12/2016, bán lẻ 5 bếp ga paloma PA-V72SVB cho công ty TNHH Tuấn Tú theo HĐ số 0000982 ngày 4/12.

- Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 7.571.425

Có TK 156: 7.571.425

* Tính đơn giá xuất kho mặt hàng bếp ga paloma PA-V72SVB là:

- Tồn đầu tháng 12 số lượng: 25 chiếc

Trị giá tồn: 37.500.000, đơn giá: 1.500.000đ/chiếc

- Nhập kho ngày 02/12 số lượng: 10 chiếc

Trị giá: 15.500.000, đơn giá: 1.550.000đ/chiếc

- Ngày 4/12 xuất bán 5 chiếc.

Đơn giá xuất 37.500.000 + 15.500.000

kho ngày

04/12 = $\frac{\quad\quad\quad}{25 \quad + \quad 10}$ = 1.514.285 đồng/chiếc

Trị giá xuất kho ngày 4/12 = 1.514.285 x 5 = 7.571.425

Kế toán lập PXX số 04/12 (biểu 2.6). Từ phiếu xuất kho ghi vào Sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 632

Ví dụ minh họa 4(tiếp ví dụ 2):

Ngày 10/12/2016, bán 2 máy lọc nước Kangaroo KG 110 cho công ty Cổ phần Thương mại – xây dựng và Vận Tải An Phú Đông, đã thu bằng tiền mặt

Kế toán định khoản bút toán giá vốn như sau:

Nợ TK 632: 10.653.668

Có TK 156: 10.653.668

Đơn giá xuất kho mặt hàng máy lọc nước Kangaroo KG 110 được tính như sau:

Tồn đầu tháng 12/2016 là 3 chiếc, đơn giá: 5.281.090đ/ chiếc.

Ngày 7/12, Công ty mua của Công ty Lưu Ánh 5 máy lọc nước Kangaroo KG 110 đơn giá 5.354.281đ/ chiếc, VAT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Ngày 10/12, xuất bán cho công ty An Phú Đông 2 máy lọc nước Kangaroo KG 110 , thu bằng tiền mặt.

$$5.281.090 \times 3 + 5.354.281 \times 5$$

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{\quad}{3+5} = 5.326.834\text{đ/ cái}$$

$$\text{Trị giá xuất ngày 10/12} = 5.326.834 \times 2 = 10.653.668$$

Kế toán lập Phiếu xuất kho số 12/12.(Biểu số 2.6), từ phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8). Từ số liệu trên Nhật ký chung vào Sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.10)

Biểu số 2.6. Phiếu xuất kho số 04/12

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dư Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương,
Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

Số: 04/12

Nợ TK632: 7.571.425

Có TK156: 7.571.425

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Quang Mạnh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho công ty TNHH Tuấn Tú

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Bếp ga paloma PA-V72SVB		Cái	5	5	1.514.285	7.571.425
	Cộng						7.571.425

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm hai mươi năm đồng.

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dư Phúc)

Biểu số 2.7. Phiếu xuất kho số 12/12

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dư Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Số: 12/12

Nợ TK632: 10.653.668

Có TK156: 10.653.668

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Xuyên

Địa chỉ: Phòng Kinh Doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho công ty Cổ Phần Thương Mại – Xây Dựng và Vận tải An Phú Đông

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Máy lọc nước Kangaroo KG 110		Cái	2	2	5.326.834	10.653.668
	Cộng						10.653.668

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dư Phúc)

Biểu số 2.8. Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
4/12	PX04/12	4/12	Xuất kho bán bếp gapaloma PA-V72SV	632 156	7.571.425	7.571.425
4/12	HĐ 982	4/12	Bán bếp gapaloma PA- V72SV cho công ty TNHH Tuấn Tú	131 511 3331	9.900.000	9.000.000 900.000
					
6/12	HĐ632	6/12	Mua hàng của công ty Cổ Phần Lưu Ân chưa trả tiền	156 1331 331	86.000.000	
					8.600.000	
						94.600.000
...
10/12	PXK12/12	10/12	Xuất bán máy lọc nước kangaro KG 110	632 156	10.653.668	10.653.668
10/12	HĐ 1002 PT 33/12	10/12	Bán máy lọc nước kangaro KG 110	111 511 3331	12.757.800	11.598.000 1.159.800
			...			
			Cộng SPS		15.651.762.232	15.651.762.232

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.9. Trích sổ cái tài khoản 632

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...
4/12	PX4/12	4/12	Xuất kho bếp ga paloma PA-V72SV	156	7.571.425	
...
10/12	PX 12/12	10/12	Xuất kho máy lọc nước Kangaroo KG 110	156	10.653.668	
...
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.814.632.582
			Cộng lũy kế từ đầu năm		2.814.632.582	2.814.632.582

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.

2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh.

Tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- + Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí về đồ dùng văn phòng, các khoản chi phí khác,...

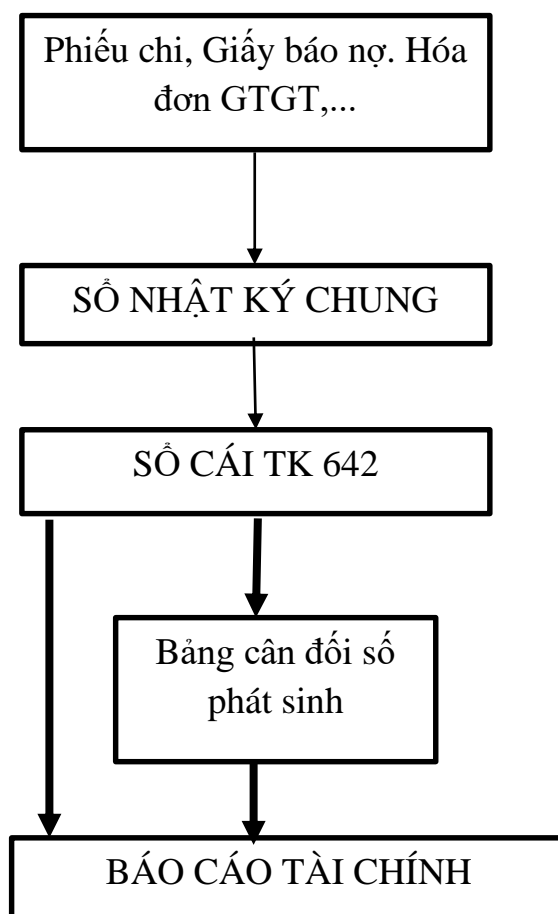
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
- + Biểu thanh toán lương
- + Biểu tính khấu hao và phân bổ khấu hao

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng:

- + Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

2.2.3.4. Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dư Phúc

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \longrightarrow

✓ **Ví dụ minh họa 5:**

Ngày 8/12/2016: Công ty chi tiền mặt thanh toán tiền thuê xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng của Công ty TNHH Thương mại và vận tải Trung Hải

Kế toán hạch toán : Nợ TK 6421: 2.200.000

Nợ TK 133: 220.000

Có TK 111: 2.420.000

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000266 (Biểu số 2.10), kế toán tiến hành lập phiếu chi 21/12 (Biểu số 2.11), sau đó phản ánh nghiệp vụ trên vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.12), từ sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 642

Biểu số 2.10. Hóa đơn GTGT số HD0000266

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao khách hàng) Ngày 08 tháng 12 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000266																
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Trung Hải Mã số thuế: 0201397852 Địa chỉ: 115B/198 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng Điện thoại: 0313.3540788 Số tài khoản: 8101988 tại Ngân hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng.																			
Họ tên người mua hàng: Trần Thị Vân Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH Thương mại và Sản xuất Dư Phúc Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>6</td><td>4</td><td>6</td><td>6</td><td>9</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng. Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: .117000110493 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng.						0	2	0	1	2	6	4	6	6	9				
0	2	0	1	2	6	4	6	6	9										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Cước vận tải bốc dỡ				2.200.000														
Cộng tiền hàng:					2.200.000														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		220.000														
Tổng cộng thanh toán:					2.420.0000														
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng																			
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dư Phúc)

Biểu số 2.11. Phiếu chi số 21/12

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dữ Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Số: 21/12

Nợ TK6421: 2.200.000

Có TK133: 220.000

Có TK111: 2.420.000

Họ và tên người nhận tiền: Lê Văn Toàn

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Trung Hải

Lý do chi: Chi tiền thuê xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng

Số tiền: 2.420.000

Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc)

Biểu số 2.12. Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2016****đơn vị tính: Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
08/12	PC 21/12	08/12	Chi tiền thuê xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng	6421	2.200.000	
	HĐ 266			133	220.000	
				111		2.420.000
...
24/12	PC 63/12	24/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	6422	1.635.000	
	HĐ 3725			133	163.500	
				111		1.798.500
...
31/12	BKHT 12		Khấu hao tháng 12	6421 6412	1.437.491 2.489.291	
				214		3.926.782
					
			Cộng lũy kế từ đầu năm		15.651.762.232	15.651.762.232

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.13.Sổ cái TK641

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dư Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...
08/12	PC21/12	08/12	Chi tiền thuê xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng	111	2.200.000	
...
24/12	PC63/12	24/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.635.000	
...
31/12	PKT30		Kết chuyển chi phí QLKD	911		913.528.210
			Cộng lũy kế từ đầu năm		913.528.210	913.528.210

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dư Phúc)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự phúc bao gồm các khoản lãi như: lãi tiền gửi ngân hàng.
- Trong năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

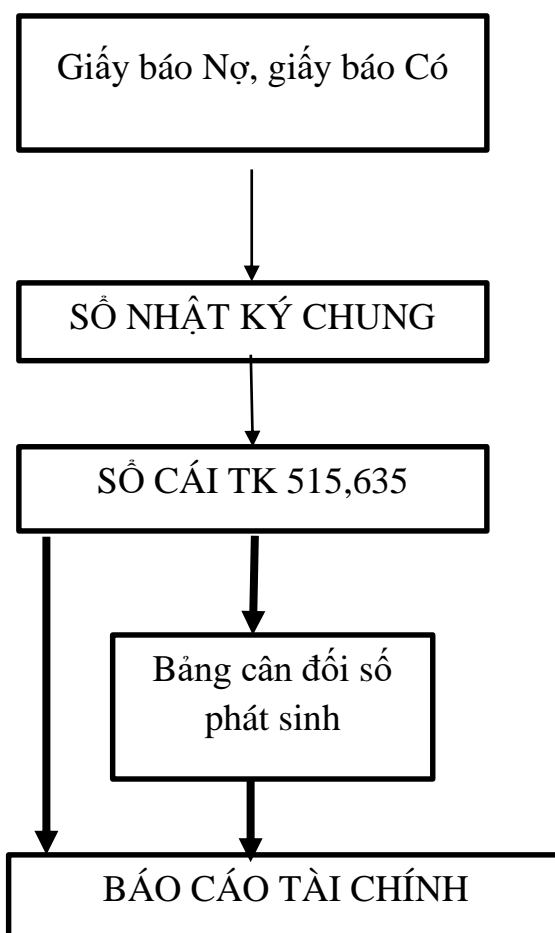
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu báo có
- Sổ trả lãi tài khoản

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Các tài khoản khác có liên quan như: TK 112,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \longrightarrow

*** Ví dụ minh họa 5:**

Ngày 31/12 ngân hàng VietinBank trả lãi tiền gửi, số tiền là 398.465 đồng.


- Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 398.465

Có TK 515: 398.465

Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng (biểu số 2.14), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.15), sau đó vào Sổ Cái tài khoản 515 (Biểu số 2.21)

Biểu 2.14. Giấy báo có của ngân hàng Vietinbank

 Nâng giá trị cuộc sống	GIẤY BÁO CÓ Ngày 31/12/2016	Mã GDV: Mã KH: Số GD: 08636
Ngân hàng VietinBank Chi nhánh: Hải Phòng		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC Mã số thuế: 0201264669		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 10046200		
Số tiền bằng số: 398.465		
Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng		
Nội dung: lãi tiền gửi tháng 12/2016		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.15. Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2016****Đơn vị tính: Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
08/12	PC 21/12	08/12	Thanh toán tiền thuê xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng	6421	2.200.000	
	HĐ 266			133	220.000	
				111		2.420.000
...
24/12	PC 63/12	24/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	6422	1.635.000	
	HĐ 3725			133	163.500	
				111		163.500
...
31/12	GBC31/12	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112	398.465	
				515		398.465
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		15.651.762.232	15.651.762.232

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 2.16. Sổ cái TK515

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dự Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương,
Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2016****Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính****Số hiệu: 515**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...
30/1 1	GBC3011	30/11	Lãi tiền gửi tháng 11	112		269.756
31/1 2	GBC31/1 2	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		398.465
31/1 2	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2016	911	2.983.241	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		2.983.241	2.983.241

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự
Phúc)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào lên qun tới thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

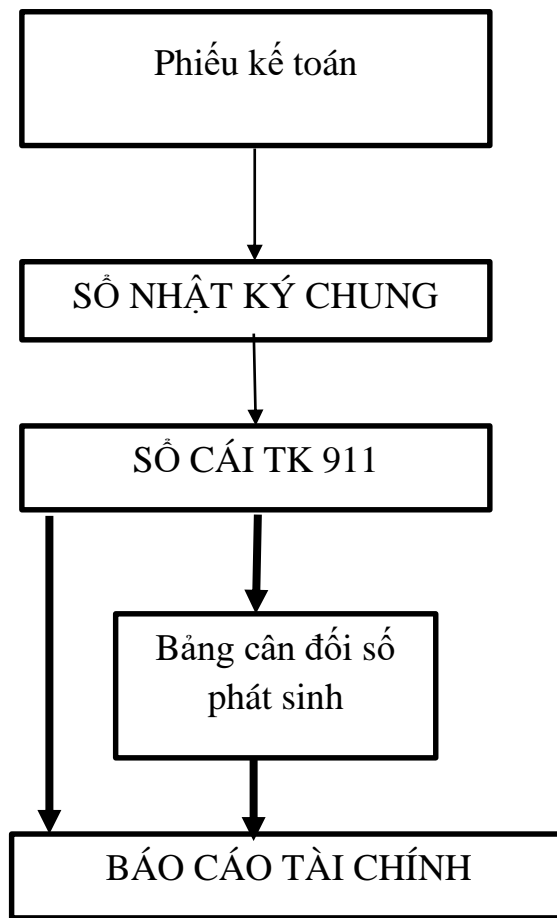
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”
- TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính”
- TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”
- TK 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 911 “ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”
- TK 421 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”
- Tk 711 “Thu nhập khác”
- Tk 811 “Chi phí khác”

2.2.6.3. Quy trình hạch toán:



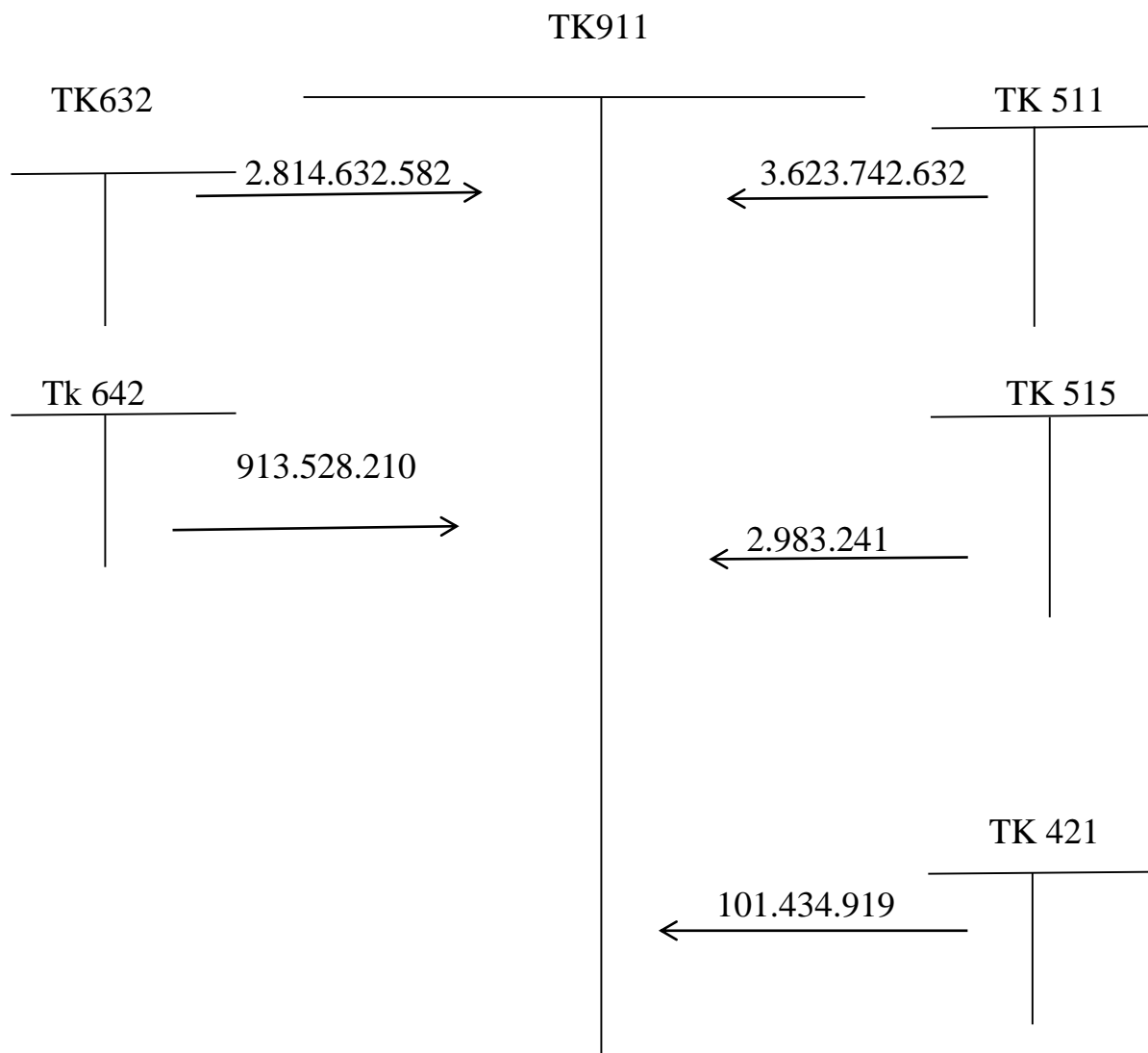
Sơ đồ 2.8: Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dư Phúc.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \longrightarrow

Kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh 2016 của công ty

Cuối năm kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 911, 421...

Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 29**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC**

Đội 1- An Phú – Đại Bản –An Dương –Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 29

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu năm 2016

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.623.742.632	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	2.983.241	
911	Xác định kết quả kinh doanh		3.626.725.873
Tổng cộng		3.626.725.873	3.626.725.873

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu số.2.18: Phiếu kế toán số 30**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHỨC**

Đội 1- An Phú – Đại Bản –An Dương –Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 30

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển chi phí năm 2016

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	3.728.160.792	
632	Giá vốn hàng bán		2.814.632.582
642	Chi phí quản lý kinh doanh		913.528.210
Tổng cộng		3.728.160.792	3.728.160.792

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu số.2.19: Phiếu kế toán số 31**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC**

Đội 1- An Phú – Đại Bản –An Dương –Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 31

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển lỗ năm 2016

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
421	Lợi nhuận chưa phân phối	101.434.919	
911	Xác định kết quả kinh doanh		101.434.919
Tổng cộng		101.434.919	101.434.919

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2.20. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dữ Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương,
Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH	Số phát sinh	
	SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
...
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu 2016	511	3.623.742.632	
				515	2.983.241	
				911		3.626.725.873
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí 2016	911	3.728.160.792	
				632		2.814.632.582
				642		913.528.210
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển lỗ	421	101.434.919	
				911		101.434.919
					
			Cộng lũy kế từ đầu năm		15.651.762.232	15.651.762.232

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc)

Biểu số 2.21. Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dụ Phúc
Địa chỉ: Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2016****Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh****Số hiệu: 911**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu 2016	511		3.623.742.632
			Kết chuyển doanh thu 2016	515		2.983.241
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí 2016	632	2.814.632.582	
			Kết chuyển chi phí 2016	642	913.528.210	
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển lỗ	421		101.434.919
			Cộng lũy kể từ đầu năm		3.728.160.792	3.728.160.792
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dụ Phúc)

Biểu số 2.22. Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Dữ Phúc
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai,
Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2016****Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối****Số hiệu: 421**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		128.562.536	
			Số phát sinh			
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển lỗ	911	101.434.919	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		101.434.919	
			Số dư cuối năm		229.997.455	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dữ Phúc)

Biểu số 2.23. Biểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC

Mẫu số B 02 -DNN

Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Năm 2016				
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>				
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	3.623.742.632	2.635.763.916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 -02)	10		3.623.742.632	2.635.763.916
4. Giá vốn hàng bán	11		2.814.632.582	2.034.545.791
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		809.110.050	601.218.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.983.241	2.201.018
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		913.528.210	712.835.520
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh[30=20+21-(22+24+25)]	30		(101.434.919)	(109.416.377)
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(101.434.919)	(109.416.377)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(101.434.919)	(109.416.377)
Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHÚC.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.

Là một công ty mới thành lập đang trên đà phát triển, công ty đang dần cùng cố gắng và nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ công nhân viên tràn đầy ăng lượng và nhiệt huyết. Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua đó là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

3.1.1 Ưu điểm

- Về tổ chức công tác kế toán doanh thu.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo, nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đứng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

✚ Thứ nhất: Tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc kinh doanh rất nhiều mặt hàng bếp ga, máy lọc nước các linh kiện điện lạnh khác nhau về chuẩn loại mẫu mã xuất xứ,.. Trong khi đó, kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng của từng loại và xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Mặt khác, công ty cũng không mở sổ chi tiết cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho từng tài khoản này.

✚ Thứ hai: Công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công việc... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty

✚ Thứ ba: Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động của công ty.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện

đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh được hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp, vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty.

Hiện nay, khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, Sổ cái), chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng.

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1), sổ chi tiết giá vốn (biểu 3.2) giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh đó, công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong từng khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2) giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 – chi tiết cho từng mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau.:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng (nhóm mặt hàng) A} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các nhóm mặt hàng (nhóm mặt hàng)}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng (nhóm mặt hàng) A}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh ta lập Biểu tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (Biểu 3.3). Để theo dõi kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng kế toán có thể mở Sổ chi tiết cho TK 911 (Biểu 3.4)

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Do đó, Công ty có thể tham khảo mẫu Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh và Sổ chi tiết các TK theo như hướng dẫn trong Thông tư 133/2016/TT-BTC như biểu 3.1; biểu 3.2 và biểu 3.4.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....

Mẫu số S16-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo Thông tư số133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Chi Tiết Bán Hàng

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:		Mẫu số S17-DNN								
Địa chỉ:		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)								
SỔ CHI PHÍ KINH DOANH										
(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 632...)										
Tài khoản:										
Tên sản phẩm dịch vụ:										
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Ghi nợ TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Chia ra				
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi có TK							
			Số dư cuối kỳ							
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...										
Ngày mở sổ: ...					Ngày ... tháng ... năm...					
					Kế toán trưởng					
					(Ký, họ tên)					
Người ghi sổ										
(Ký, họ tên)										

Biểu số 3.3: Biểu tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG MẶT HÀNG
(NHÓM MẶT HÀNG)**

Năm:

STT	Tên mặt hàng (nhóm mặt hàng)	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bố cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng)	Kết quả kinh doanh
	...					
	Cộng					

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.4: Sổ chi tiết các tài khoản

Đơn vị:.....

Mẫu số S19-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

sổ chi tiết các tài khoản

(Dùng cho các TK: 136, 138, 141,, 911)

Tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Loại tiền:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	x x	x	x	x	x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

✓ Ví dụ :

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 và ví dụ 3 chương 2 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) cụ thể.

Căn cứ vào Hóa đơn số 982, kế toán vào sổ chi tiết bán hàng – bếp gas (Biểu 3.5). Căn cứ vào phiếu xuất kho 04/12, kế toán vào sổ chi tiết giá vốn – bếp gas (Biểu 3.6).

Với nghiệp vụ thanh toán tiền xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng tại ví dụ 5 chương 2 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết chi phí mở cho TK 6421 (Biểu 3.7).

Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc Đội 1, An Phú, An Dương, Hải Phòng					Mã số: S16-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): bếp gas Năm 2016									
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			...						
04/12	HĐ982	4/12	Bán hàng cho công ty TNHH Tuấn Tú	131	5	1.800.000	9.000.000		
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...					Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
- Ngày mở sổ: ...									
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên)			

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc)

Biểu số 3.6 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc Đội 1, An Phú, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng				Mẫu số S17 -DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ CHI PHÍ KINH DOANH							
Tài khoản: 632 Tên sản phẩm dịch vụ: Bếp gas							
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số phát sinh trong kỳ				
04/12	PXX 04/12	04/12	Bán hàng cho công ty TNHH Tuấn Tú	156	7.571.425	5	1.514.285
						
			Cộng số phát sinh trong kỳ				
			Ghi có TK 632	911			
			Số dư cuối kỳ				
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang... Ngày mở sổ: ...							
				Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Ngày ... tháng ... năm... Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		

3.2.4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

- Phần mềm kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2017

ISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

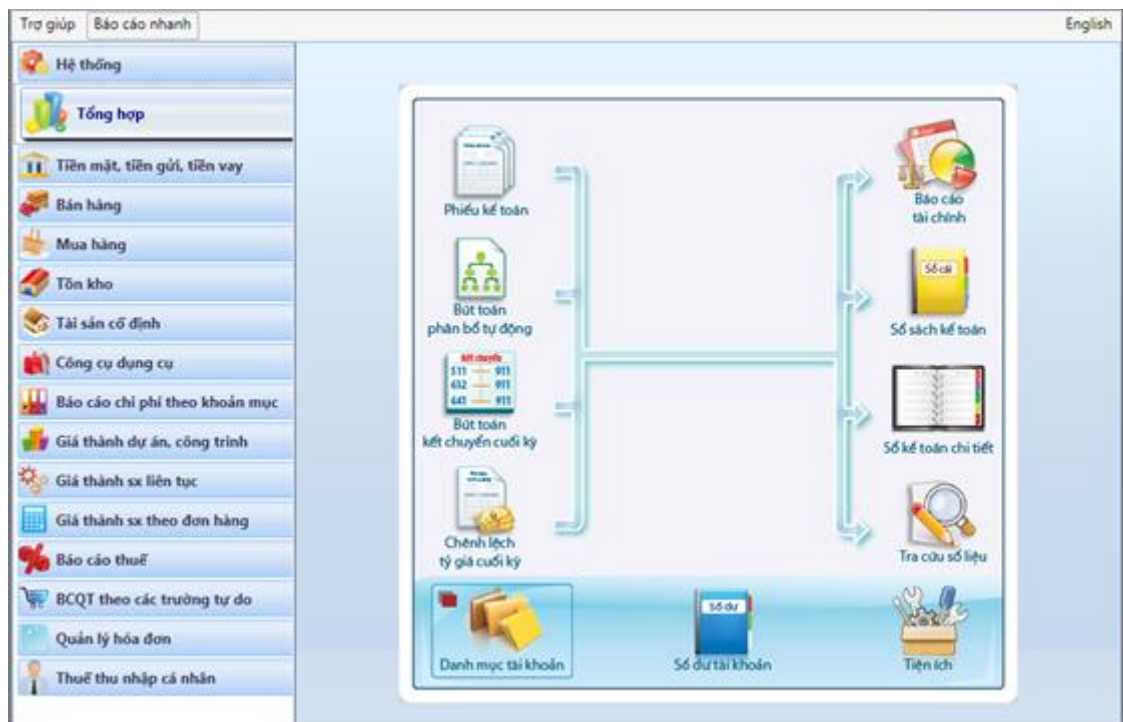


Giá : 10.950.000 đồng

- Phần mềm kế toán Fast
 - Phân tích số liệu theo thời gian: báo cáo cho nhiều kỳ liên tục, báo cáo số liệu lũy kế, báo cáo số liệu so sánh cùng kỳ khác năm... Các báo cáo này giúp cho người sử dụng có những so sánh về sự thay đổi, xấu đi hay tốt hơn theo thời gian, từ đó đưa ra các đánh giá, các quyết định trong quản trị.
 - Phân tích số liệu theo nhiều chiều khác nhau. Ví dụ, báo cáo bán hàng có thể phân tích theo mặt hàng, bộ phận kinh doanh, nhân viên bán hàng,

vùng địa lý, nhóm mặt hàng, nhóm khách hàng... Có thể chỉ theo một chiều hoặc đồng thời nhiều chiều trên một báo cáo. Tương tự như vậy, các báo cáo phân tích về chi phí, về dự án, về giá thành... cũng đều được phân tích theo nhiều chiều khác nhau.

- Phân hệ giá thành sản xuất đưa ra phương án khai báo vừa tổng quát vừa linh động đối với việc tập hợp và phân bổ chi phí. Có thể tính giá thành cho sản phẩm, cho cùng một sản phẩm được sản xuất ở các phân xưởng khác nhau hoặc theo lịch sản xuất/đơn hàng khác nhau... Chi phí có thể tập hợp trực tiếp cho đối tượng tính giá thành hoặc gián tiếp theo phân xưởng, đơn hàng... Việc phân bổ có thể theo định mức, hệ số, theo các yếu tố chi phí khác... Có thể tính giá thành các sản phẩm trung gian trên từng công đoạn...



Giá: 11.900.000 đồng

- Phần mềm kế toán 3TSoft:
 - Giải quyết triệt để nghiệp vụ kế toán phát sinh, các phần hành theo hoạt động một cách linh hoạt trong một hệ thống thống nhất với tính kiểm soát chặt chẽ và logic.
 - Có khả năng quản lý và tổng hợp dữ liệu đa cơ sở, không hạn chế số user, số máy nhánh với một cơ sở dữ liệu đồng bộ.
 - Có khả năng tạo tính năng của bộ phần mềm bán hàng, tích hợp máy quét, máy đọc mã vạch, quản lý vật tư, hàng hóa theo lô, theo kệ, theo hạn sử dụng.

- Truy xuất tự động số liệu với hệ thống mã số thuế quốc gia, hệ thống hỗ trợ kê khai thuế và nhiều ứng dụng khác.
- Gọn nhẹ, thân thiện, cài đặt đơn giản, dễ sử dụng (ngay cả khi người dùng không có nghiệp vụ kế toán)....
- Phân định rõ ràng phần hành nghiệp vụ, số liệu thống kê trong công tác kế toán doanh nghiệp
- Đa năng trong việc thiết lập hệ thống kế toán nội bộ theo từng loại hình, ngành nghề, quy mô...
- Có khả năng mở rộng và tích hợp với các hệ thống quản lý sản xuất, nhân sự, tài chính, dự án, hợp đồng... định hướng tích hợp và trao đổi dữ liệu với hệ thống ngân hàng, email, điện thoại di động.
- Đa ngôn ngữ giao diện, chuẩn unicode với những tùy chỉnh ứng dụng thông minh...
- Phương thức tác nghiệp hiện đại giúp người dùng cắt giảm hầu hết các thao tác “nút bấm” và “click chuột”..., nâng cao tốc độ tác nghiệp, tiết kiệm thời gian ...
- Chương trình ổn định, tốc độ xử lý nhanh, cơ sở dữ liệu SQL



Giá : 3.500.000 đồng

- Qua quá trình tìm hiểu em thấy phần mềm kế toán Misa phù hợp nhất đối với đặc điểm cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc vì đây là phần mềm có tính năng và giá cả, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

3.2.4.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc.

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bên trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

➤ Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng $\leq T \leq$ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< T <$ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< T <$ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T >$ 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết,.. thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi để trích lập dự phòng.

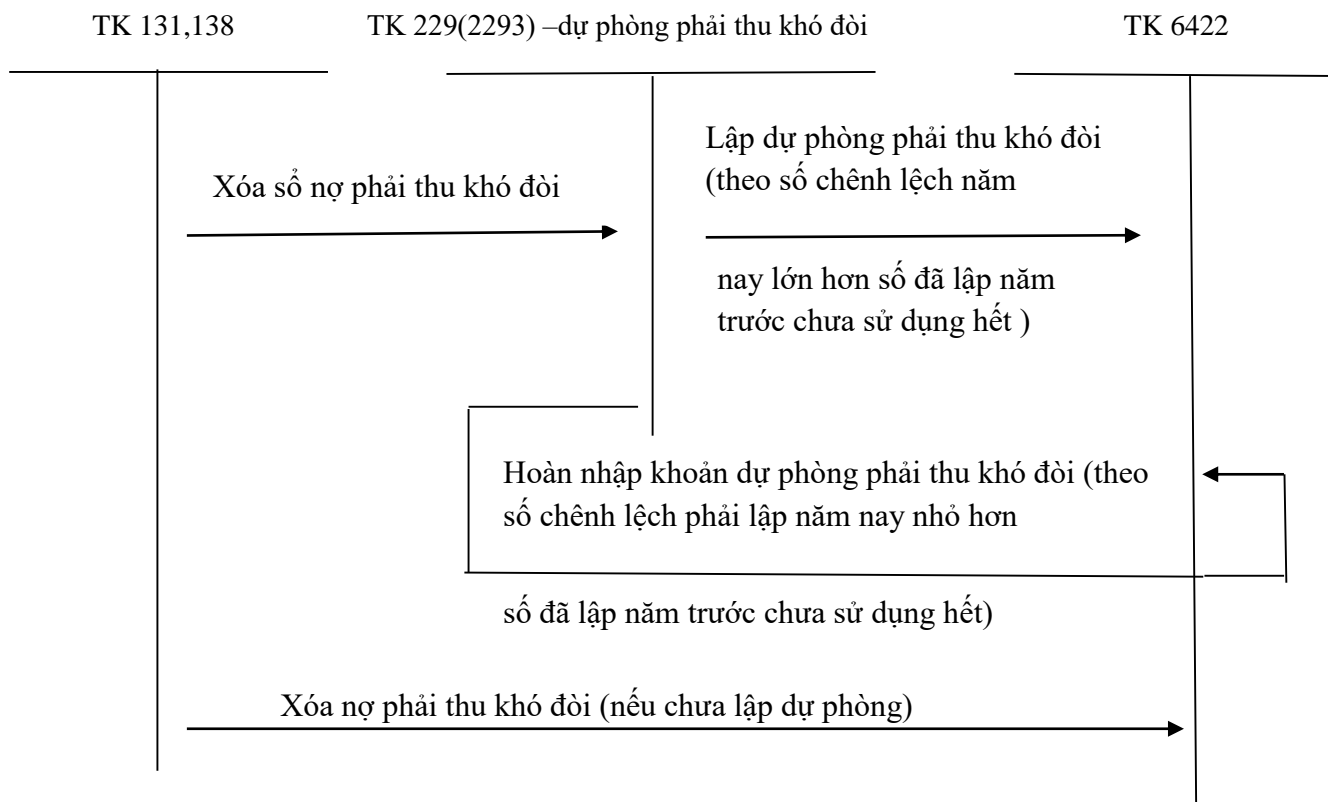
Tài khoản sử dụng:

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 1592- Dự phòng phải thu khó đòi

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Theo Thông tư 133 thì để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau (theo hướng dẫn của Thông tư 133):

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau:



✓ Ví dụ minh họa:

Từ bảng kê công nợ (**Biểu số 3.8**) và dựa vào mức trích lập dự phòng kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (**Biểu số 3.9**) vào ngày 31/12 như sau:

Biểu số 3.7: Biểu kê công nợ:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHỨC

Đội 1, An phú, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng.

BIỂU KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty giấy Trung Hà	52.872.872		52.872.872			
Công ty Vận tải Ánh Sao	110.026.905			110.026.905		18 tháng
Công ty TNHH Hoa Dương	78.993.376			78.993.376		8 tháng
Công ty TNHH Tuấn Tú	45.763.981	45.763.981				
Công ty Cổ phần Minh Tuấn	87.872.762			87.872.762		13 tháng 25 ngày
....						
Tổng cộng	709.010.777	198.728.982	233.388.752	276.893.043		

Biểu số 3.8: Biểu kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DỰ PHỨC

Đội 1- An Phú – Đại Bản – An Dương – Hải Phòng

BIỂU KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công ty	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty Vận tải Ánh Sao	110.026.905	18 tháng	50%	55.013.453
Công ty TNHH Hoa Dương	78.993.376	8 tháng	30%	23.698.013
Công ty Cổ phần Minh Tuấn	87.872.762	13 tháng 25 ngày	50%	43.936.381
Tổng cộng	276.893.043			122.647.847

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 122.647.847

Có TK 229: 122.647.847

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách có liên quan.

3.2.4.4. Một số kiến nghị khác:

Công ty nên tạo điều kiện cho các nhân viên kế toán tham gia các khóa học nghiệp vụ dài hạn và ngắn hạn để nâng cao thêm trình độ nghiệp vụ giúp công ty xử lý nhanh chóng các nghiệp vụ kinh tế để hoàn thành báo cáo kịp thời.

Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng theo tháng hoặc quý giúp ban lãnh đạo nắm rõ về tỷ suất lợi nhuận của từng mặt hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo, khuyến mãi là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức đã học ở trường, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của Th.s Nguyễn Thị Mai Linh – Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dụ Phúc, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô, cùng cán bộ phòng kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như gửi lời cảm ơn đến cô Nguyễn Thị Mai Linh, đã tận tình hướng dẫn và chỉ bảo, và đặc biệt cảm ơn tới các cán bộ kế toán của công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dụ Phúc đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2016), *Chế độ kế toán vừa và nhỏ (Quyển 1), Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính (Năm 2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính
3. Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Dự Phúc (2016), *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Tài liệu tham khảo tại các thư viện